

45 174

TRỊ TÂN

TÒA BÀO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

1 năm 35\$00 — 6 tháng 18\$00 — 3 tháng 9\$00

MỤC LỤC

- | | |
|---|----------------------|
| * Từ sách nghiên-cứu nhĩ-dồng đến báo trẻ em | Hoa-Bằng |
| * Đại Nam đặt sự (LV) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Những ông Nghè triều Lê (CIV) | Ứng-Học |
| * Tài liệu đề định chỉnh những bài văn cổ (LXXXIII) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Việt nam văn học sử (III) | Ứng-Học |
| * Bà chúa lấy chồng, ông hoàng lấy vợ (hết) | Hoàng-thiếu-Sơn |
| * Hai tráng ở gò Óc-Eo (hết) | Biệt-lam Trần-huy-Bá |
| * Ba người thợ cần mẫn (hết) | Lê-Thanh |
| * An tư (tiểu thuyết XXIV) | Nguyễn-huy-Tướng |

0\$70

Sách, báo với nhi-dồng

TỪ SÁCH NGHIÊN-CỨU NHI-ĐỒNG ĐẾN BÁO TRẺ EM

HOA-BÀNG

Loại sách có chút tính cách
nghiên-cứu nhi-dồng

Năm 1933, H. B. có ra cuốn sách nhan là *Vấn-đề nhi đồng*, phụ đề là *Tính sao cho trẻ ra người* (1), trong có những mục như: *Tổng luận về vấn-đề trẻ con và hai phát dục trẻ* (tr. 16), *Phạm-vi khoa nghiên-cứu con trẻ* (tr. 22), *Sự phát triển thuộc sinh-lý của trẻ con* (tr. 23-40), *Trạng thái của tâm-tinh trẻ con* (tr. 41-58), *Chức năng giáo-dục trẻ con* (tr. 59-71), *Mục đích dạy thể-thao cho trẻ* (tr. 72-77), *Mấy điều vệ sinh cần biết* (tr. 78-81), *Tran-giải đạo đức theo tuổi trẻ con* (tr. 82-93), *Thức giả đóng góp đối với việc giáo dục* (tr. 99-112) v.v.

Năm 1942, nhà xuất bản Mai-Linh, Hà-nội, có in cuốn *Nguyên nhân các thói xấu của trẻ con*. Tác-giả Cẩm Thạch Le B. An-Vỹ có ý ... trình với độ-gả và nhu cầu chuyên có chính, quan-hệ nhất, đã nhận xét hằng ngày, rồi cùng với độc-giả tìm cách sửa đổi cá tính xấu của con em ta ấy. (Lời nói đầu). Sau khi đã nêu lên vài thói xấu của trẻ như *Không vâng lời*, *Nói dối*, *Trộm cắp*, *Độc ác*, *Lười biếng*, *Rút rắt*, v.v., tác-giả có nói đến phương-pháp giải-quyết: « *Về ý tưởng về cách chữa*

cá-thối xấu» (tr. 125-150). Đó là chỗ cõ-tủy của cuốn sách mà tác-giả đã viết theo kinh-nghiệm của mình.

Cũng năm 1942 ấy, nhà xuất bản Lê-Cương, Hà-nội, có đứng xuất bản cuốn *Giáo dục nhi-dồng* của Đạm Phương nữ sử. Nữ-sử do những tình-trai của một người « *là mẹ của một gia-đình 11 con, và bà của một đại gia-đình trên 30 cháu vừa nội vừa ngoại* » (Lời nói đầu, tr. 11) mà góp được « *nhiều tài-liệu triết-thực về giáo dục* » (tr. 11). Sách chia làm bốn phần: *Tập dưỡng và giáo dục*, *Đức dục*, *Trí dục* và *Thể dục*. Ta cũng mong như tác-giả: *Sách này sẽ giúp ích cho các cha mẹ, để dạy con.* » (tr. 12).

Loại sách giải trí cho
nhi-dồng

Ngoài loại sách có chút tính-cách nghiên-cứu nhi-dồng đề đi đến bậc giáo dục như trên đã nói ra, ta còn nhận thấy một vài sách giải trí cho trẻ con nữa.

Từ năm 1939, Hội « *Trí dục thể dục* Năm 1939 » có soạn một bộ sách riêng cho trẻ con đọc, gọi là bộ sách *Ngày xanh*, đã ra được những cuốn như *Đi viếng đền Hùng*, *Ông lão thần*, v.v.

Nhà xuất bản Đời nay, phỏng theo loại « *Sách Hồng* » của Pháp, có in ra thứ sách để hiên đọc gả « *ti hon* » như *Ông đồ Bè*, *Con cá thần*, *Hải thủy khôn*, *Quyển sách ước*, v.v.

Nhà xuất bản Công lực ra loại sách *Hoa mai* cũng là thứ sách giải trí cho trẻ.

Năm 1943, thư-xã Đắc-Lộ, có ra cuốn *Trẻ con hát, trẻ con chơi* của Nguyễn-văn-Vĩnh, và cuốn *Truyện trẻ con* của Nguyễn-Văn-Vĩnh, dịch bản *Contes de Perrault*, đều do họa-sĩ Mạnh-Quỳnh vẽ và trình bày.

Từ *Truyện-bá* của nhà Tân-Dầu tuy là một thứ báo nhưng chuyên viết về *Loại sách tuổi trẻ*, nên cũng xếp vào mục này. Cứ như lời tuyên-bố của « *Truyện bá* » tại báo ấy « *muốn làm một công việc cho cái thế-hệ đang chớm nở* ».

Báo nhi-dồng

Về bài « *Sách, báo với nhi-dồng* » này, đáng lẽ tôi còn phải khảo-ý và viết nhiều hơn nữa, nhưng ngặt vì Tri-Tân làm xong số 174 tại ra số Tết, tôi không muốn « *bắc cầu* » đến sang năm, nên phải vội viết rất sơ-sơ kết-thúc vấn-đề này trước-khi các bạn cùng tôi mừng đến xuân mới thưởng lãm số xuân.

Vậy nay xin đi gặp đến « Báo nhi-dồng » :

Năm 1930, tờ Phụ nữ tân văn ra đời. Mỗi số, báo ấy có dành riêng 2 trang cho Phần nhi-dồng, trong có những mục như « Bài tiểu luận », Các cách chơi giải trí, Chuyện cười, Câu đố giải trí, Chuyện vui con nít, v.v.

Hình như phần ấy được nhiều gia đình hoan-ngưỡng, nên sau đó nhiều tờ báo, cả mấy tờ hàng ngày, cũng mở ra một mục Trẻ em, phần học-sinh để đáp lại tiếng đòi gọi của trẻ.

Dần dần lại thêm được vài tên khác đặc lực trong « làng báo nhi-dồng » nữa.

Ngoài tờ Cựu Âm và tờ Nhi-dồng học hân, người ta không quên kể đến tờ Thanh nghị phần trẻ em.

Từ ngày 15 mai, 1941, tờ Trẻ em do ra đời (2). Cứ theo lời tuyên-bố của Thanh nghị, số cổ động ra ngày 25 avril 1941 thì tờ Trẻ em ấy có ý gây dựng « một nền giáo-dục nhi-dồng », nhằm theo phương châm : « rèn đức tính khí ». Mà « muốn rèn đức tính khí con trẻ » thì báo ấy phải có một chương trình gây những đức tính này cho nhi-dồng :

« a) Về thể dục :

« 1) ham vận động và mạo hiểm

« b) Về trí dục :

« 2) nhận xét và phán đoán cho xác thực

« 3) ham khám mảy móc

« c) Về đức dục :

« 4) vâng lời và trọng kỷ luật

« 5) ngay thẳng và trọng lời hứa

« 6) tự lập

« 7) dũng (giáp) dĩa

« 8) cố gắng và cố nghị lực

« 9) thờ một lý-tưởng : Danh-dự, Gia đình, Tổ-quốc ».

Nhưng tiếc rằng tờ Trẻ em đó chưa sống được bao lâu đã phải đình bản, nên chương-trình ấy còn đang ở trong kỳ thí-nghiệm đã phải bỏ dở, chúng ta chưa thể hạ lời phê-bình được.

Đến đây, chúng ta được một nhận xét : hình như phần đông người mình chưa có hứng thú về việc nghiên-cứu nhi-dồng, nhất là đại đa số người làm phụ huynh chưa biết quan tâm đến vấn đề nhi-dồng, nên ít ai chịu nuôi sống cho nhi-dồng lấy một tờ báo đứng-dẫn !

Tổng kết

Viết lên tục thêm khảo-cứu nhỏ về lịch-sử nhi-dồng-học này (8), trước hết tôi đã mời các bạn đọc thân ái xét qua lịch-sử nhi-dồng-học ở các nước ngoài, rồi sau lại giới thiệu đến những công cuộc có liên-quan đến nhi-dồng ở nước ta.

Về phần ngoại quốc, chúng ta không cần phê-bình làm gì. Duy đối với những việc hoặc báo hộ nhi-dồng, hoặc mở trí nhi-dồng, hoặc nghiên-cứu nhi-dồng ở xứ này, ta không nên không có lời phê-phán :

Về phương diện xã-hội làm việc từ-thiện cho nhi-dồng, ta thấy mọi chỉ là làm việc nuôi dưỡng một số trẻ con, cố gắng làm là đủ cho một số rất ít đó được no cơm ấm áo. Đến như chương-trình của Pestalozzi ở Thụy-sĩ xưa « vừa nuôi trẻ, vừa nghiên-cứu trẻ thì thật chưa có.

Những sách, báo cho trẻ đọc hầu hết viết còn cao quá, khó quá,

và lời-lẽ « văn chương » quá, tỏ ra nhiều nhà cầm bút còn quên rằng mình đang viết sách cho trẻ đọc.

Một số ít sách tuy có liên-quan đến nhi-dồng, nhưng mới chỉ là mấy nét phác sơ về việc dạy trẻ, chứ chưa thấy có một công trình nào nghiên-cứu nhi-dồng cho thật đến nơi đến chốn rồi đem những cái đã khảo sát được mà tổng-hiến với đời.

Trong loạt giới chưa thấy một ai chịu theo sở thích, sở năng mà chuyên tâm chú ý vào một phương-diện nghiên-cứu nhi-dồng mà làm « nhi-dồng học-giải ».

Có lẽ vì những lý do ấy, trên trang lịch-sử nhi-dồng-học Việt-nam, ta chưa ghi được mấy nét quan trọng !

Vậy mong những nhà y học và những nhà sư phạm có mặt tại với công-lại của đất nước nên để ý lắng nghe đến vấn đề nhi-dồng mà gia tâm nghiên-cứu hoặc về sinh-lý học tâm lý của trẻ, hầu cho sau này, n ăn đó, ta sẽ tìm lấy những phương pháp giáo dục nhi-dồng được thích nghi hơn, hoàn-hiện hơn. Lại mong những bậc phụ huynh cũng nên gây lãi cái hứng thú nghiên-cứu nhi-dồng để mai sau góp thêm những cái sở đắc vào môn « nhi-dồng-học » Việt-nam.

BOA-BÀNG

1) Trung-kỳ, Hà-nội, n...

2) Theo tài liệu trong thư ông Vũ Đình Hạo gửi ngày 13-12-1946 Xin kính tạ.

3) Các Tri-tán nhđồng số 163, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, và 174 đây.

ĐẠI NAM ĐẤT SỬ

Số 56

Ung học NGUYỄN VĂN-TO

XXXIV — Lý Thái - tông tức Phật-Mã

Tên húy là Phật-Mã, lại có tên nữa là Đức Chính, là con trưởng Lý Công Uẩn, mẹ là người họ Lê. Sinh ở phủ Trường yên ngày 26 tháng 6 năm canh tý là nam thứ 7 hiệu Ứng thiên 1000) đời Lê Đại Hành.

Năm 1009 Lý - Công - Uẩn mới làm vua lập Phật - Mã làm thái-tử. Năm 1012 phong thái-tử làm Khai-thiên vương. Mồng 3 mậu-tuất) tháng 2 năm thứ 19 hiệu thuận-tiên (1023) Công Uẩn mất: các quan trong triều phụng di-chiêu (tờ chiếu của vua để lại, cũng như di-chức của thường-dân) đến cung Long-đức rước tể tướng lên ngôi vua.

Lúc ấy Đông-trinh-vương tên Lực, Dự-thành-vương và Vũ-đức-vương (ba người đều là con Công Uẩn) nghe thấy vua cha đã mất, đều đem quân của phủ mình vào cấm-hành: Đông-trinh-vương thì phục ở phía trong Long-thành Đức-thành vương và Vũ-đức-vương thì phục ở mé trong cửa Quảng-phúc (tức cửa tây kinh-thành), đợi thái-tử đi vào thì đánh áp hậu được một chỗ, tể tướng từ cửa tường phía (cửa đông kinh-thành) vào đến Kền-miền (ở trong thành Thành-long phía trước cả cung điện, là nơi các quan vào chầu) nghe có biến, sai nội-thự-dộng tất cả các cửa điện, và sai vệ-sĩ

trong cung phòng bị, rồi báo các quan tể-hữu rằng: « Ta đối với các em không có một ý gì là phụ các em, thế mà ba vương làm điều bất-nghĩa, quên di-mệnh của tiên-đế, muốn cướp ngôi-bán, đe nguy đến xã-tắc, các người tính thế nào? » Nội-thự là Lý-nhân-Nghĩa thưa rằng: « Nghĩa anh em 'bì bên trong có cùng nhau hợp mưu thì bên ngoài mới có thể chống cự được với kẻ khinh-nhờn. Nay ba vương đã như thế, còn có thể coi là anh em được đâu? Tôi xin đánh một trận, để quyết được thua ». Thái-tử nói rằng: « Ta lấy làm xi, vì ngọc-thể tiên-đế chưa lên lăng, mà chỗ cốt nhục đã tàn-hại lẫn nhau, càng sợ thiên-hạ đời sau chế cười hay sao? » Lý-nhân-Nghĩa thưa rằng: « Tôi nghề làm việc xa thì quên công gần, giữ đạo công thì phải bỏ lòng yêu riêng. Ngày xưa Chu-công, giết Quân-túc và Thái-thúc (em Chu công) để yên nhà Chu, Đường Thái-tông giết Kiến-tên, và Nguyên-cát để giữ nhà Đường đều là những việc bất - đắc - dĩ. Nay Điện-hạ (vua tể gọi là Điện-hạ, thái-tử hay tước vương tể gọi là Điện-hạ) có thể làm theo việc Chu công, Đường Thái-tông, thì người ta sẽ tranh nhau mà ca-tụng công đức, chứ việc gì mà chế cười? » Thái-tử còn do-dự chưa quyết, Lý Nhân-ngĩa lại tiến lên thưa rằng:

« Tiên-đế cho Điện-hạ là người có thiên-tal, đủ tài để chí, có tài đủ để làm xong việc, cho nên mới đem thiên-hạ phó thác cho Điện-hạ. Nay giặc đã vây đến cửa cung mà còn ăn-nhẫn như thế, thì đối với việc Tiên-đế phó-thác ra sao? » Thái-tử vẫn lặng hồi lâu, rồi báo Lý Nhân-ngĩa, và cung-thần là Dương-Bình, Quách-Thị, Lý Huyền-Sơ, và Lê Phụng - Hiền rằng: « Ta lấy làm xi, vì ngọc-thể tiên-đế chưa lên lăng, mà chỗ cốt nhục đã tàn-hại lẫn nhau, càng sợ thiên-hạ đời sau chế cười hay sao? » Lý-nhân-Nghĩa thưa rằng: « Tôi nghề làm việc xa thì quên công gần, giữ đạo công thì phải bỏ lòng yêu riêng. Ngày xưa Chu-công, giết Quân-túc và Thái-thúc (em Chu công) để yên nhà Chu, Đường Thái-tông giết Kiến-tên, và Nguyên-cát để giữ nhà Đường đều là những việc bất - đắc - dĩ. Nay Điện-hạ (vua tể gọi là Điện-hạ, thái-tử hay tước vương tể gọi là Điện-hạ) có thể làm theo việc Chu công, Đường Thái-tông, thì người ta sẽ tranh nhau mà ca-tụng công đức, chứ việc gì mà chế cười? » Thái-tử còn do-dự chưa quyết, Lý Nhân-ngĩa lại tiến lên thưa rằng:

Lúc bấy giờ quân ba phủ (tức ba tước vương) đánh gấp, thái-tử tự biết không thể trị nổi, báo bọn Nhân - nghĩa rằng: « Sự - thế đã như vậy, ta còn mặt mũi nào trông thấy ba vương, nay ta chỉ biết phụng - sự Tiên-đế, còn ngoài ra giao cho các người tất cả. » Bọn Nhân-ngĩa đều hai tay nói rằng: « Chết về nạn của vua, là chức phận của lũ chúng tôi, nay là việc đáng chết, lại còn nói gì nữa? » Rồi sai vệ-sĩ trong cung mở cửa để đón quân, ai cũng vui lòng ra đánh, thật là một người dịch với trăm người.

Đang tiếp chiến, chưa quyết được thua, thì Lê Phụng-Hiền tức giận, tuốt gươm ra thẳng đến cửa Quảng-Phúc (ở tây trong thành) nói to lên rằng: « Bọn Vũ-đức-vương, dõm-dỗ thần-khí, khinh miệt tự-quân, trên quên ơn Tiên-đế, dưới trái nghĩa thần-tổ! Vì thế tôi là Phụng-Hiền xin dâng lưới kiếm này. » Vừa nói vừa xông thẳng vào chém, trúng ngựa của Vũ-đức-vương. Vũ-đức quát ngựa lùi để tránh, nhưng vì ngựa què, nên Phụng-Hiền giết chết Vũ-đức: quân ba phủ thua chạy, quan quân

đuôi theo chém giết, không sót một móng, duy Đông-trình-vương và Đức-thánh-vương thoát chết.

Phụng-Hiền trở về, cứ dề y nguyên nhuong-phục đến lạy trước cửa Lý Thái-tổ, rồi sang điện Kiến-nguyên thưa với thái-tử; Thái-tử yên - ủi rằng: « Ta sẽ đi được nỗi nghiệp-lớn của Tiên-đế, được toàn cái di thể của cha mẹ (thân-thể ta là của cha mẹ sót lại), đều là nhờ sức của người. Ta xem *Đương-sử*, thấy Uất-tri-kinh đức là người đẹp xong nạn của vua, tự cho là nhân-thần đời sau không ai ví kịp. Ngày nay gặp nạn, mới biết cái lòng trung dũng của Lê Phụng-Hiền gấp Kịch-Đức biết bao nhiều. » Phụng-Hiền hai lạy thưa rằng: « Đức của Điện-hạ cảm đến giới đất, người nào dám mạnh làm-cản rẽ, thì thiên-hạ bản-ký đều gia sức giết chết, chứ chẳng tội có sức gì đâu ».

Phật-mã được làm vua, toàn là nhờ Phụng-Hiền, nhân tiện chép chuyện Phụng-diệu. Ông là người làng Bãng-sơn, châu Ai (nay xã Đương-sơn, huyện Hoàng-Lá, tỉnh Thanh-hóa). Lúc nhỏ là người hùng-dũng. Nguyên có hai thôn Cồ-bì và Đàm-xá tranh nhau địa giới, thường đem khi-giới đánh nhau mãi mà không phân được thua. Phụng-Hiền bảo các phụ-lão thôn Cồ-bì rằng: « Một mình tôi có thể đánh được cả họ ». Các phụ-lão mừng, sai đến gian làm lễ và đem rượu ra khoản-dãi: Phụng-Hiền ăn bữa cơm, « hết vài đấu gạo » (?) uống, rượu. Quả chừng rồi-ra khỏi chốn với người thôn Đàm-xá một mình

nhảy tới nhờ cây tre để đánh. Người thôn Đàm-xá bị thương rất nhiều, sau không dám đến gần nữa, bèn giả lại ruộng cho thôn Cồ-bì. Lý Thái-tổ từ Công Uẩn nghe tiếng, vời đến cho làm tướng, dần dần thăng đến chức Vũ-vệ tướng-quân. Khi thái-tử Phật-mã lên ngôi (1023), Phụng-Hiền có công dẹp nạn, được thăng dò-thống thượng-tướng-quân, tước hầu. Năm giáp thân (1214) theo vua Thái tông đi đánh Cầm-thành, sung làm tiền phong, đánh được quân giặc, bắt được chúa Cầm-thành là Sa-dầu, nổi tiếng với các nước láng giềng. Đến khi Khải-hoàn (đi đánh giặc được, khi trở về gọi là Khải-hoàn) định việc thưởng công Phụng-Hiền nói rằng: « Tôi không muốn tước trật gì, chỉ xin đứng trên núi Bãng-sơn, cầm con dao to, ném xa, nghiêm xem đao dơi chỗ nào, tôi xin cho tôi chỗ đất ấy để làm biệt nghiệp ». Vua bâng lòng cho, Phụng-Hiền lên núi cầm dao ném một cái, xa mười dặm, dơi xuống làng Hà-mi, Vua liền cạo làm sư diễn, tha thuế thóc « ruộng ném xa », cho nên từ bấy giờ trở đi, người châu Ai có ai được thưởng công, thường lấy hai tiếng « ném xa » để truyền tụng. Sau khi Phụng-Hiền mất, người làng lập đền thờ (*Khâm định Việt sử*, q. 2, tờ 28 b và *Ngự chế Việt-sử tổng-dịch*, q. 7 tờ 2 a và đến 4 a).

Phụng-Hiền và các quan dẹp xong nội nạn, đến năm sau (ngay kỷ hợi, tức mồng 4 t 12 3 năm mậu-thìn 1023), Phật-mã lên ngôi hoàng đế ở

trước linh cửu Thái tổ. Tông-mạc là họ Lê làm Linh hiên hoàng thái hậu, đại tả thiên hạ, đổi niên hiệu làm năm thứ nhất hiệu Thiên-thành. Ngày hôm ấy Đông-trình vương và Đức-thánh-vương đến cửa quyết xin thú tội, vua Thái tông ban chiếu tha tội và cho phục lại tước vương.

Quần thần dâng tấu biểu là « Khai-thiên thống-vận tôn-đạo qui-đức thánh-văn quảng-vũ sung-lân tượng-thập chí-bi lý dân an thần phủ long-biện thể nguyên ngự-cự ư tước (*Khâm định Việt sử*, q. 2, tờ 29 a chép là: ức tể) công cao ứng-chân bảo lịch thông-huyền chí-áo hưng-long đại-dinh thông minh từ-hiếu hoàng đế » (cộng 48 chữ) (*Đại Việt sử ký toàn thư*, q. 2, tờ 14 a-b).

Vì mới lên ngôi, nên ban ơn thiên hạ phát tiền lụa trong kho cũ dẫn giải phong tước vương cho thần nãi Đông-cổ, lập miếu để thờ thượng-cung, tế, và làm lễ mìn-thệ. Nguyên khi Đông-cổ, Vũ-dức và Đức-thánh làm phụng, triều đình không ai biết cả. Đến hôm trước vua Thái tông mộng thấy thần nữ Đông-cổ nói rằng:

Vũ-dức, Đông-trình, Đức-thánh làm loạn. May may điều bình để đánh họ. Đến khi đánh sai quân sĩ phòng bị, quân nhiều có việc làm phải, cho nên đến đây ban chiếu các quan hữu-tỷ lập miếu ở phía sau chùa Thánh đạo, bên hướng thềm Đại-là. Ngày 25 tháng bính-hợi Ấm Ấy (1026) bay dưng ở trời mưa, (Xem tiếp trang 21)

SIA VĂN MIÊU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 108

Ưng-hoè NGUYỄN-VĂN-TÔ

4. Nguyễn - hồng - Tiêm, người xã Đông - xã (theo ba Văn miếu), huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách trấn Hải-dương, *Đặng khoa lục* (q. 2, tờ 15 b) in là xã Đông-năm. *Đặng khoa bị khảo* q. Hải-dương (tờ 62 b) chép là xã Đông-đô. Nguyễn «hòa» bằng chữ «niệm» là chữ «nhiệm», «tòa» bằng chữ «dự» là chữ «đỗ», chỉ khác nhau có vài nét. Còn như chữ «xã» thì giống có một nửa chữ «dư» và chữ «niệm», mà không có chữ «hòa» ở bên. — Ông Nguyễn - hồng - Tiêm đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa Mậu-dần (1518). Làm quan đến Hình bộ á-thị lang (*Đặng khoa lục*, q. 2, tờ 15 b).

5. — Nghiêna - văn - Hậu, người xã Hà-lễ, huyện Đông-ngàn, phủ Từ - sơn, trấn Kinh - bắc (cav Bắc ninh). Đỗ nhị - giáp tiến - sĩ khoa 1518. Làm quan đến tham-clinh, tri sĩ. Đến khi nhà Lê mất, ông không chịu theo Mạc, thọ tam mươi tuổi, mất ở nhà riêng (*Đặng khoa bị khảo*, q. Kinh bắc tờ 36 a).

6. — Lê - vô - Dịch, người xã Thiên-biểu (sau đổi là xã Thiên-lộc), huyện Yên - lăng, phủ Quốc-oi, trấn Sơn - tây. Đỗ nhị - giáp tiến-sĩ khoa 1518. Làm quan đến Hộ-khoa đô-tấp sự - trung. Là em Lê vô-Cương đỗ tam-giáp tiến - sĩ khoa 1511. Anh em cùng đỗ đại khoa, cùng làm quan một triều (*Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 46 a).

Khoa 1518 có tám ông đỗ đệ tam-giáp đồng tiến-sĩ xuất thân như sau đây:

1. — Nguyễn - Độ, người xã Phú-vệ, huyện Đường - hào, phủ Thượng-hồng, trấn Hải - dương. Năm ba mươi sáu tuổi đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1518. Làm quan với nhà Mạc, đến lúc thưng-thư kiêm đô ngự-sử, được phong tước bá. Sau vì cớ tội bị cách chức (*Đặng khoa bị khảo* q. Hải dương, tờ 3 b).

2. — Nguyễn-cư-Nhân, người xã Ông-lâu, huyện Lạng - tá, phủ Thuận-an, trấn Kinh - bắc. Nhà ở làng Lương-xá. Đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1518. Làm quan với Mạc đến chức Công - bộ thượng - thư, kiêm đồng - các đại-học-sĩ, tước Đạm-hà bá (*Đặng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 125 a); *Đặng khoa lục* (q. 2, tờ 16 a) chép ông kiêm «chưởng Hàn lâm viện-sự».

3. — Nguyễn-Củng, người xã Hoàng-dôi, huyện Văn-giang, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1518. Làm quan với nhà Mạc, đến chức thị lang (*Đặng-khoa lục*, q. 2, tờ 16 a).

4. — Đỗ-Dương, người xã Quang-bị, huyện Gia-lộc (nguyên trước là Trường-tân) phủ Hạ-hồng, trấn Hải dương, Đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1518. Làm quan đến tham-clinh. Là anh Đỗ tam Cương đỗ đồng tiến sĩ khoa 1523. Anh em cùng đỗ đại-khoa, cùng làm quan một triều (*Đặng-khoa-lục*, q. 2, tờ 16 a).

5. — Vương-Hoành, người xã Ngõ đạo, huyện Tân-phúc (theo bia; *Đặng khoa lục* chép là Tân-phong, có hồi đổi, là Tiên-phúc), phủ Bắc-hà, trấn

Kinh bắc. Đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1518. Làm quan với Mạc, đến chức thị lang (*Đặng-khoa lục*, q. 2, tờ 16 a).

6. — Nguyễn-hòa-Trung, người xã Tam-sơn, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1518; anh ruột là Nguyễn-Tảo cũng đỗ một khoa. Làm quan đến chức tả-thị-lang; lúc bấy giờ Mạc Đăng-Dung thoán-thị, ông Hòa-Trung nói rằng: «Trung vẫn không thờ hai vua lẽ nào lại đem thân mà thờ kẻ thù?», rồi chết theo việc nước. Sau nhà Lê trung hưng (1533, 1548) bao phong các bậc tôi tiết-nghĩa ông cũng được dự. Là con Nguyễn-Khiết-Tu đỗ nhị giáp khoa 1496 là cháu gọi Nguyễn-Húc (đỗ tam giáp khoa 1487) bằng bác. Là em họ Nguyễn Hy-Tái (đỗ nhị giáp khoa 1511) và Nguyễn Tự-Cường (đỗ nhị giáp khoa 1514) (*Đặng-khoa bị-khảo*, q. Kinh bắc tờ 36 a-b).

7. — Ngô Doãn-Trù (hoặc Đỗ), người xã Bắc-lý (theo bia; còn sách chép là xã Ngõ xã), huyện Yên - iệt, phủ Bắc-hà, trấn Kinh-bắc. Đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1518. Làm quan đến chức đoán-sự (*Đặng-khoa lục*, q. 2, tờ 16 b).

8. — Nguyễn-Tảo, người xã Tam sơn, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa (1518). Làm quan với nhà Mạc, sáu bộ thượng-thư đều có làm qua, lĩnh chức thừa-chính-sứ trấn Hải-dương. Là em ruột Nguyễn hòa-Trung vừa nói trên này (*Đặng khoa bị-khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 36 b): thế là hai anh em, một người theo Mạc, một người không chịu theo.

(Còn nữa)

Ưng-hoè NGUYỄN-VĂN-TÔ

CXXXV. — Kim Vân Kiều
(bài mới)

Bản quốc - ngữ của ông Vĩnh (1920, tr. 187 ; 1943, tr. 746) và kinh-bản của cụ hiền - oanh - Mậu lên là *Đoan trường tân thanh* (tờ 93 a) chép là . « Trời còn để có hôm nay, Tan' sương đầu ngõ vơi mây giữa trời. Phường - ban của Quán - văn - đường. (tờ 93 b), *Kim Vân Kiều* chủ (bản sao của Trường Bác-cô, số AB 233, q 9, tờ 49 a) và *Vương Kim diển lục* (AB 234, tờ 33 b) đều chép «...Tan sương biển ngõ dăm mây giữa trời.»

— Hai bản quốc-ngữ, phường-bản và Vương Kim, diễn tự đều chép : « Hết lời khôn lẽ chối lời, Gợi đầu nàng những ngả dài thỏ thần ». Kinh-bản chép là « Hết lời khôn lẽ dứt lời... » Kim Vân Kiều phú chép là « Hết lời khôn lẽ dứt lời, Gợi đầu nàng những ngả dài thỏ thần ».

— Đến cầu dưới, thì phụng-
bản, Kim Vân Kiều chú và hai
bản quốc ngữ chép là « Nhà vua
mở tiệc đoàn viên, Hoa-sei ngon
đước hồng chén bạc là ». Kinh-bản
và Vương Kim đến từ chép là
« Đoàn-viên mở tiệc nhà vua, Hoa
seison ngon đước hồng trắng bạc là ».

— Phường-bản, Kim Vân Kiều chú và Vương Kim điển tự chép là « Cùng nhau giao-bái rệp nhà, Lẽ đã đủ lẽ, đôi đã đủ đôi », Bốn chữ dưới, kinh-bản và quốc-ngữ cũ chép « đôi đã xứng đôi » có lẽ hay hơn. Còn như quốc-ngữ mới (tr. 743) chép là « đôi là đủ đôi » thì chữ « là » ấy nhầm.

— Các bản đồ viết : « Những
từ sen ngó đào tơ, Mười lăm năm
mới bảy giờ là đầy ». Hai chữ
« sen ngó » kinh - bản chép là
« trời ngon ». và chưa nghĩa rằng :
« kể từ khi Kim Trọng nhứt đi, q
thoa ở trên cảnh đào, đến nay là
15 năm, nên gọi là trời ngon đào
tơ. Phương-bản chép là sen ngó
thì không đúng » (đi-hi-thư-thợng-
lã ng 'kinh bản, tờ 79 a)

— Câu « Canh khuya ở: gần
rủ thao. Dưới đèn tỏ rạng má đào
thêm xuân », pòuông-bả ghép là
« tỏ nghĩa »

— Đến câu dưới là câu « Tỉnh-nhân tại gặp tỉnh-nhân, Hoa xưa ong cũ mấy phần chung tình », kinh-bản chép là « ..Hoa xưa bướm cũ mười phần chung tình ».

— Câu « Nghĩ chẳng nghĩa rừ
lành ghi, Chiều lòng gọi củ xương-
tủy mảy-may », kinh bản chép là
« Chiều lòng gọi củ: xương-tủy
mảy-may ».

— Đến câu dưới « Riêng lòng đã thẹn lắm thay. Cũng đã mặt đàn mây dầy khổ coi », quốc-ngữ mới (tr. 751) chép là « Cũng là » thì không đáng.

Kinh-bản và quốc ngữ mới (tr. 751) chép « Những như âu yếm vành ngoài ». Quốc ngữ cũ (tr. 489) chép là « vòg ngoài ». Phương-bản chép « Những là âu-yếm bề ngoa ». Kim Văn Kiền chú chép « Những là âu-yếm vòg ngoài ».

Hà bản quốc-ngữ, kinh bản và
phường bản đều chép « Lại như
những thời người ta, Vớt hương

dưới đất bở hoa cuối mùa ». Kim Văn Kiều chủ chép là « Vết hương dưới nước ». Vương Kim điển lại chép là « Nhật hoa dưới đất » và chưa rằng ; « Cỏ bần viết là « Vết hương dưới nước ».

Phường bản, và quốc ngữ mới (tr. 752) chép « Cũng do giờ nhuốm bày tỏ » Quốc ngữ; cũ (tr. 189) chép là « Khéo thay rõ rước bày tỏ » Kinh bản và Vương Kim điển tự chép là « Khéo là » Đến câu « Còn tình dâu nữa là thù dấy thôi », phường bản chép « mà thù » thì nhầm.

Phương bản và quốc ngữ cũ (tr. 189) chép: « Cờ nhiều ăn-đi chen-chạ, Hay gì vầy cánh hoa tàn mà chơi ? » Kinh bản và Vương Kim điển tự chép là « Hay gì vô cái hoa tàn mà chơi ? » Quốc ngữ mới (tr. 751) và Kim Vân Kiều chú chép là « Vầy cái hoa tàn »

Hải hân quốc-ngũ và Kim Vân Kiều chữ chép « Xót người lưu lạc bấy lâu, Tưởng bề thối nạng cũng đã đón nười ». Kinh-bản và Vươ-ơ Kim diễm tự chép là « nệp lâu đón nười ». Phương bản chép là « mà lâu đón nười ».

— Đến câu dưới, hai bản quố:
ngữ chép là « Taurag nhau sinh
từ đã liễu, Gặp nhau còn chút
bấy nhiêu là tình ». Vương Kim
diễn tự chép là « Cùng nhau sinh
từ... ». Kêu bản chép cũng như
thế, chỉ khác có chữ « chút », chép
ra chữ « tình ». Phải chăng bản và
(Xem tiếp trang 23)

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 3

Ung-học NGUYỄN-VAN-TO

Đến thiên thứ hai ở quyển Việt-Nam văn-học sử-yếu, ông Dương Quảng Hàm nói về « ảnh-hưởng của nước Tàu ». Ông chia thiên ấy ra làm năm chương. Chương thứ nhất đề là « Văn-chương cổ-điền; những điều giản-yếu về các sách giáo khoa cũ đề học chữ nho, thứ nhất là cuốn Tam tự kinh ». Kỳ này bàn riêng về chương ấy.

Ông Hàm kể những sách của người Nam ta làm, ngày xưa đề dạy chữ nho, có cuốn Nhất thiên tự, Tam thiên tự, Ngũ thiên tự, Sơ học vấn tân và Âu học ngữ-ngôn thi. Tôi thiết tưởng nên kể cả quyển Nhất dụng thường đàm và quyển Tự học giải-nghĩa ca, là những sách đã lưu-bành được hơn trăm năm nay. Quyển Nhất dụng thường đàm của ông Phạm-dinh Hồ (1758-1828), in lại năm 1843, chia ra từng mục, từ thiên-văn (giời), địa-lý (đất), cho đến thảo-mộc (cây cỏ), trùng-loại (loài sâu), cộng ba mươi hai mục, là một quyển dạy tiếng-một, nhất những tiếng thường dùng hàng ngày, như mục thiên-văn thì chép Thiên là giới, Tiểu là đa giới, Nhật là một giới, v. v.; mục địa-lý thì chép Địa là đất, Thạch là đá, Sơn là cát, Nê là bùn, v. v., rất tiện-lợi cho những người muốn học tốt. Chính tác-giả cũng cho là đề dạy học-trò: « Nhân cổ nhất dụng thường đàm, thụ chí môn-nhan », nghĩa là « nhân lấy những câu nói thường dùng hàng ngày, đề dạy học-trò » (câu này ở bài tựa quyển Nhất dụng thường đàm).

Quyển Tự học giải-nghĩa của vua Tự-đức (1843-1883) soạn ra,

cũng chia ra từng môn loại, như mục Kham-dư (giời đất), mục nhân-sự (việc người), cho đến mục thảo-mộc (cỏ-cây), trùng ngư (loài sâu, cá). Lối văn cũng như Nhất thiên tự hoặc Ngũ thiên tự, chữ nào nghĩa ấy, đặt thành ca trên sáu dưới tám. Xin trích mấy câu mở đầu ở mục Kham-dư như sau này: « Thiên giới Địa đất vị ngôi, Phá cho tái chỗ lưu trôi mãi đầy, Cao cao bác rộng hậu đầy, thần mai mộ tối chuyển xoay di dời ».

Về quyển Nhất thiên tự, Ông Hàm nói: « Các chữ sắp đặt không theo thứ-tự gì và các câu không có ý nghĩa gì » (tr. 23), rồi ông « trích lục mấy câu đầu » là: « Thiên trời địa đất vạn mây, vũ mưa phong gió trú ngày dạ đêm tinh sao lộ móc tương diêm, hưu lành khánh phúc tăng thêm đa nhiều ». Như thế mà ông cho là không có « thứ-tự » và không có « ý-nghĩa » thì có lẽ không đúng, vì chính quyển nhất thiên tự là quyển Thiên-tự giả-âm ca của ông Edmond Nordemann in ra chữ nho và quốc-ngữ và dịch ra chữ Pháp (ông Hàm có dẫn vào sách của ông ở trang 30-31), trong đó có dịch nghĩa thành câu thành mạch rất là rõ-ràng. Hai câu đầu giải-thích ra như sau này (chữ nào in nghiêng là chữ cái: « Trong giới đất cỏ mây, mưa và gió, chia ra ngày đêm; sao và móc (giọt sương mùa xuân) thường có diêm; diêm tốt được thêm nhiều phúc » (bản dịch của ông Nordemann khác vài chữ).

Câu nào cũng có « ý nghĩa », nên cuốn Nhất thiên tự có đến 1015 chữ, chứ không đúng một nghìn. Nếu là tiếng một thì không cần phải đặt thừa ra như thế. Câu cuối cùng là: « Tự từ chỉ gột dần dần, Chém rắn hổ dạy thêm sâu trầm chìm, ché chưa suyết nổi thêm thêm, liễu rồi tất hết dịch tìm kỹ ghi », nghĩa là « từ đầu chỉ cuối (cuốn sách nhất thiên tự này) lời rắn dạy thêm trầm, phải chưa từng chữ, nói thêm văn, xong tất cả, lại phải tìm nghĩa mà ghi nhớ » (tôi dịch khác ông Nordemann một vài chỗ).

Cuốn Tam thiên tự và Ngũ thiên tự cũng thế. Mà ông Hàm không đồng ý với ông Nordemann, cứ cho là chữ một, nghĩa một, cũng nên xóa câu « không theo thứ-tự gì và không có ý nghĩa gì » (in ở tr. 23 và 24 trong sách của ông), vì sách của ông là sách dạy học, chỉ nên chép những điều chắc chắn.

Đoạn nói về cuốn Âu-học ngữ-ngôn thi có câu « ...tả cái mộng-tưởng của một người học trò mong thi đậu trạng-nguyên, bởi thế cuốn ấy cũng gọi là Trạng - nguyên thi » (tr. 25). Tôi tưởng cứ nói là « tả cái lòng của một người học trò mong thi đỗ trạng nguyên » cũng đủ rõ; chữ « mộng tưởng » với chữ « mong » trùng nhau, nếu cần phải dùng đến, thì ở đây đặt chữ « kỳ vọng » còn hơn chữ « mộng tưởng ».

Nội sách của Tàu làm ra mà xưa ta dùng đề học chữ nho, ông

Hàm kể cuốn *Thiên tự điển*, cuốn *Hiếu kinh*, nhưng ông cho cuốn *Minh tâm bảo giám*, *Minh đạo gia huấn* và *Tam tự kinh* là thông dụng hơn cả. Tôi tưởng nên thêm cả cuốn *Chư Bá Lữ tri gia cách ngôn*. Cuốn ấy, ông Nordemann có in ra chữ nho chữ quốc ngữ và dịch ra chữ Pháp từ năm 1903, là sách dạy con cháu trong nhà, đủ các đức tính cần kiệm, hiếu từ liêm nhân, nhân minh, cần hậu, trung trinh, cho nên bất cứ người Tàu hay người Nam, lỡ biết chữ nho không ai là không thích bài cách ngôn ấy: có người khắc riêng ra bản in, có người khắc thành bảng sơn son thếp vàng cho đẹp, phần nhiều viết làm từ bình treo chỗ nhà khách, vừa là ngoạn mục, vừa để răn mình. Xin trích câu đầu như sau đây: « Lê-minh tức khởi, sái tảo đình trừ, yếu nội ngoại chỉnh khiết. Kỳ hôn tiếu lức, qian tảo môn tở, tất thân tự kiểm dêm... », nghĩa là: « Khi mở sáng dậy ngay, - trước nước quốc sẵn thềm, cốt phải trong ngoài sạch sẽ gọn gàng. Đã tối rồi thì nghỉ, việc thẹn khóa cửa ngõ, tất phải tự mình kiểm-dêm... »

Đến cuốn *Tam-tự-kinh* ông Hàm kể mục-lục ra một trang sách, giả ông lấy các ý-chính mà lược lại một bài, như ông B. Simard (*L'éducation d'après le Tam-tự-kinh*, đăng trong *Revue pédagogique* năm 1905, in lại ở Hà-nội năm 1906), thì có lẽ ích hơn. Lời của ông Simard (tr. 33-39) dịch như sau đây: « Nếu ta đem những cách-thức răn dạy còn nép ở sách *Tam-tự-kinh* so-sánh với chương-trình của người Pháp ta, thì chắc là phải ngạc-nhiên về những điều thiếu-thốn và khác-nhau. Những

chỗ chỉ-dẫn về các điều thực-nghiệm hay khoa-học, thì không rõ, đặt lại vắn-tắt, cách xếp thứ-tự làm cho ta lạc đường. Nhưng có nhiều chi-tiết vụn-vặt, không những về cách giữ gìn cho sạch-sẽ, lại cả đến lễ-pháp và lễ-ngai là những phép-tập hay câu-nệ về bình-thức. Song ta chớ nên quên rằng: Những cách thừa ấy, tuy mới sửa đổi lại, mà đã có từ mười thế-kỷ nay, dẫn thi-hành đến tận bây giờ. Và lại, về đường luân-lý thực-tiến và giáo-dục chính-thức, thì tư-tưởng và quan-niệm ở cuốn sū-phạm này (tức *Tam-tự-kinh*) ở chỗ giống hệt với người Pháp. Ngay trong khi đang học, đã dạy nhiều đến bản-tính kẻ người, đến thi-dục, đến bổn-phận và luân lý. Ta lại thấy cuốn *Tam-tự-kinh* nói quả-quyết rằng: vốn tính người ta rất tốt; cần phải dạy-dỗ từ nhỏ; sự dạy dỗ ấy có sức rất mạnh, nên không biến-hóa ngay được xã-hội, cũng ngăn-ngừa cho khỏi truy lạc. (Xem tiếp trang 17)

Thư viện Thái bình

Đã rất lâu nay, ở tỉnh Thái bình chưa có một Thư viện nào có các sách đầy đủ về các loại cho các người muốn tìm tra khảo, nghiên cứu, học tập về văn nghệ. Chúng tôi vừa được tin đến đầu tháng giêng này, Thư viện của Ban văn học Hội Trí thức Đạo do hai vị Thủ thư mới, sẽ chính đở lại theo phương pháp rất thiết thực để có các sách hợp ích cho mọi hạng người. Thư viện đó không phải là thư, sắp dựng lên ở trong phạm vi cho các hội viên tìm đọc mượn sách, mà sẽ là nơi để cho các giới trí thức trong tỉnh tìm học tập thêm thật là một cử-cử rất ý nghĩa, giúp đỡ cho những người thiếu học, vậy chúng tôi mong rằng ai ở sách, không cần dùng nữa xin gửi giúp cho thư viện.

Hộp thư

— Có L. H. L. — Lại M. c. Ha
lính — Báo từ 1 11-44 đến 31 12 44
Còn thiếu 5\$60

Ô. T. v. C. Nhị quynh (cũ)
Lay — Đã gửi 20\$ ngày 1 12 19 4
là từ 1 6-44 đến 15 9 44.

T. T.

Đã in xong:

TIỀNG VỌNG SÔNG NGÂN

Thi-phẩm của NGÂN GIANG

A. — LOẠI ĐẶC BIỆT:

- | | |
|--|--------------|
| 1) 5 bản trên giấy Bạch-Tuyết (riêng loại sách này có ảnh tác-giả) | Giá: 100\$00 |
| 2) 25 bản trên giấy lụa Táy-Hồ | — 40\$00 |

B. — LOẠI QUÝ:

- | | |
|---|-------------|
| in trên giấy lụa Yr-La | Giá: 12\$00 |
| Hai loại sách này đều có 2 tranh minh họa của họa-sĩ TRINH-VÂN Bả do họa-sĩ TRINH-Vân vẽ bản đá bả tráng coi việc ấn loát | |

Không gửi theo lĩnh-hóa giao-ngân. Mưu lễ, thêm 1\$00 cước

Đại lý trừ 25% — Thư, Ngân phiếu gửi về:

BÀ ĐỖ THỊ QUẾ 44, Hàng Bông HANOI

Bà Chúa lấy chồng

Ông Hoàng lấy vợ

(bài nối)

HOÀNG-THIỆU SƠN

Khi hội-dồng tuyển-phu đã chọn xong năm người xứng-dáng, liền đệ danh-sách lên ngự-thăm, Hoàng-đế muốn chọn người nào thì chăm son đỏ vào tên người ấy. Lễ-bộ và Tộc-nhân phủ liền được lệnh sửa-soạn hôn lễ và Khâm-thiên-giám cũng phải chọn ngày lành, tháng tốt để cử hành những lễ ấy.

Người được chọn liền được phong chức *Phò-mã Đô-uy* là chức *Đoàn-hàn* cùng-tam phẩm. Phò-mã được ân-cấp sáu nghìn quan tiền để tậu một phủ-đé và sắm sanh lễ-vật, cúng liệm lý hôn-lễ.

Cụ Tể-thao Nguyễn văn Mai (5) kể lại việc hôn nhân của một ông Phò, rồi đưa Minh Mạng, theo lời thuật lại của chính ông Phò ấy, thì ông ta cũng được ân-cấp sáu nghìn quan tiền, hai nghìn đồ sắm tư trang, hai nghìn làm lục-lễ và hai nghìn xây phủ-đé. Tuy thế, nhiều lễ vật như vàng, bạc, sô, sa, gấm, vóc, lụa, là, đều do Chủ-hôn cho đơn vào lãnh ở Nội phủ. Quan-bảo Phò mã cũng do Nội phủ sắm cho.

Theo một đạo chỉ dụ năm Minh-mạng thứ sáu (1825) thì: *Đầu bà Chúa hạ-giá là Hoàng-trưởng-nữ của một Hoàng-hậu hay Chính phi thì Hoàng-đế cho ban cho năm vạn quan tiền làm cửa lễ môn,*

các Hoàng-nữ khác chỉ được ba vạn quan. Một đạo chỉ-dụ khác năm Minh-mạng thứ mười-một (6) ấn-định lại số tiền vua ban cho các Công-chúa khi hạ-giá như sau này:

Hoàng-trưởng-nữ của một Hoàng-hậu hay Chính phi được năm vạn quan;

Các Hoàng-nữ khác của Hoàng-hậu hay Chính phi được bốn vạn quan;

Trưởng-nữ của các cung phi được ba vạn quan;

Các Hoàng-nữ khác của các cung phi được hai vạn quan.

Ông Phò lại được năm mươi lăm hầu do một viên Đội-trưởng hàm thất phẩm *Đoàn-giải* cai quản để ứng-trực trang phủ-đé.

Lục-lễ đều từ lễ h trao chững nghi thức rất trang nghiêm có ấn-định rõ ràng ở Hội-dồng của Nam triều. Hai đạo chỉ dụ chính ấn-định những nghi thức ấy đều ban hành dưới triều Gia-long năm thứ tư (1805) và năm thứ bảy (1808). Tám đạo chỉ dụ khác ban hành dưới hai triều Minh-mệnh và Thiệu-trị sửa đổi lại ít nhiều những chi tiết, lưu-trung không có đạo nào quan trọng bằng hai đạo trên (6).

Dưới hai triều Gia-long, Minh-mệnh, lục-lễ cử hành trong sáu

ngày. Bắt đầu từ rằm Thiệu-trị thứ năm (1845) có chỉ dụ định lại rằng lục lễ chỉ cử hành trong ba ngày, cử hai lễ một ngày. Ngày làm lễ đều do Khâm-thiên-giám chọn.

Trước khi cử hành lục lễ, Hoàng-đế sắc cho Chủ Lôn thân đến nhà bố mẹ Phò mã tuong lại truyền cho họ biết tin con họ được chọn làm con rể hôn nhà vàng. Tại nhà ông Phò phải đặt án-đề tiếp đãi nhà vua. Chủ hôn đứng bên tả án, mặt quay về phía nam, bố mẹ ông Phò đứng bên hữu, Chủ-hôn tuyên đọc sắc chỉ đại khái như sau này: *« Đức Hoàng đế định cho Công chúa... hạ giá với... là con... Đến ngày... tháng... họ nhà gái được phép bái mạng để tạ hoàng đế... »* (7)

Đến hôm bái mạng, thiết triều tại điện Cần-thạch, bách quan đều mặc áo tụng xanh, bố ông Phò và anh, em chú hác đến cung bái trong sân điện để cầu tạ hoàng ân. Cũng hôm ấy ông Phò cùng bà sen đàn bà của ông Phò, cô, thím, chị, em đến Khôn-đức-cung và Trường-thọ-cung dâng lễ mừng đức Hoàng thái hậu và Thái Hoàng Thái hậu (7).

Trước hôm cử hành lục lễ một ngày, bố và chú, bác, anh, em ông Phò phải đến cửa Hữu-đoan

môn đồ nộp lễ vật : một con lợn nái, một con lợn quay, một mâm xôi. Vong bài trước đều rỗng xong, họ được nội thiện mời trà nước, cau, giầu, cuối cùng vong bài thêm năm lễ nữa thì lễ thành. (V)

Lục lễ cử hành theo thứ tự sau này :

1 — Lễ nạp thái, lễ vấn danh cùng một ngày ;

2 — Lễ nạp trượng, lễ nạp cát cùng một ngày ;

3 — Lễ diện nạp, lễ thân nghinh cùng một ngày ;

1) *Lễ Nạp-thái*. — Lễ vật phải có hai thoi vàng, mỗi thoi năm lạng, mười nén bạc, mỗi nén mười lạng. Vàng, bạc đều để trong hai tráp lồng gương sơn son thếp vàng. Những lễ vật này đều do Nội phủ cấp cho ông Phò (5).

Lễ vật để nộp tại Tôn nhân phủ. Trước sân phủ có đặt thềm bằng, thềm hương án. Lễ vật đặt lên án, án phải quay về phương nam. Chủ hôn đi đến bố mẹ ông Phò lễ năm lễ trước án, xong bố ông Phò phải lễ tại Chủ hôn năm lễ. Lễ thành lên có tiệc khoản đãi tại khách. Cuối cùng bố, mẹ ông Phò tại phủ lễ Chủ hôn năm lễ trước khi cáo từ. (7) Những lễ vật này Chủ hôn phải để nộp và đến Công-chúa.

2 *Lễ Vấn-danh*. — Mục đích lễ này là để bà Chúa xem mặt ông Phò và bố mẹ ông. Lúc các cậu ấm dự cuộc tuyển-phu đến ra mắt Chủ hôn tại Tôn nhân phủ để *« rấp-ranh bấn-sẻ »* thì Chúa cũng từng phải thị nữ ra gặp ngay sau rèm hoa do thám dung nhan, diện mạo, giá thể, tư cách tăng-tạ, đề về thuật lại cho chúa

nghe. Nhưng chính hôm lễ vấn-danh, khi cuộc tuyển-phu đã cáo-tân rồi, *« vấn đã đóng thuyền »* Chúa mới được quyền trộm lễ phong-tư của hạn trăm năm (5).

Lễ vật phải có : một đôi kim-xoa đính hoàng-chiếu, một đôi kim-hoa chạm phi-phụng. Ông Phò cùng bố, mẹ mặc áo xanh, quần điều để trình lễ vật tại Tôn nhân-phủ, Chủ hôn liền để nộp vào đền Công-chúa. Ông Phò và bố, mẹ cùng đi hộ theo vào trước sân đền. Thị nữ dẫn ra mời ông Phò đến trước thềm diện. Trên diện qua những mảnh mảnh hoa, bà Chúa lần đầu tiên được nhìn thấy bóng-dáng đức ông chồng, chớ mặt mũi cũng không thể nhìn thấy rõ ràng được. Xong ông Phò cùng bố mẹ được mời sang tả-trường-lang để chầu ban trà rượu do nội-thiện và nữ-quan dọn-mời (5).

3. *Lễ Nạp-trung hay Nạp-thê*. Lễ vật đều do nội phủ phát, gồm có : mười cây hương tàu ngũ sắc chia ra làm hai cây gấm, bốn cây ván, bốn cây s, dựng trong hai tráp sơn son, lợp vàng vẽ song-phụng.

Lễ vật đều để trình tại Tôn nhân-phủ rồi Chủ hôn để nộp vào đền Công-chúa, theo nghi-thức như trong lễ nạp-thái.

4. *Lễ Nạp cát hay Thỉnh-ký*, mục đích để xin ngày r. ở đây.

Lễ vật gồm có : một đôi trâu sông hoặc ky đồ, một đôi lợn tai đeo hoa và nhạ cồng, lưng bôi quan-son, nằm trong hai chiếc cũi gỗ. Lễ vật đều để trình tại Tôn nhân-phủ để Chủ hôn để nộp vào đền Công-chúa theo những nghi-thức như trên. Trong lúc hành-lễ, Phò mã phải mặc quan-bào màu lam, đội mũ cánh-chuồn. Những trâu và

lợn ngay hôm làm lễ phải làm thí để ngư-thiện.

Lễ vật trong bốn lễ này bao giờ cũng phải kèm theo hai chóc rượu và hai mâm cau, giầu.

Ba hôm trước ngày vu-quy, Công-chúa phải thân đến Tế-miếu làm lễ tế-cáo Liệt-Thánh và đến Trường-thọ-cung cáo-bội Thái Hoàng Thái Hậu. Ông Phò ở nhà cũng tế cáo tổ-tên về việc gia-thả của mình (8).

Hôm rước dâu, một vị ăn quan và vợ cùng một thị-vệ và một nữ quan đến phủ để ông Phò sửa-sạn *« đặt giường thất bảo, váy màn bát tiên »* để cho loan-phụng tương phùng Chính vợ chồng vị Hoàng-thân làm Chủ hôn phải thân-thủ giải chiếu chiếu đầu lên trên giường tân-hôn (7).

Sáng hôm công chúa vu quy, ông Phò phải đến đợi ở Hứa đoan-môn để vào làm lễ trước bộ rồng. Điện Cần-chánh bốn 3y 11 ối đại-triều, bá quan đều tập ở đây. Phò mã mặc quan bào lễ năm lễ trước sân rồng dâng nộp hai nén vàng, tám nén bạc (7-8). Xong, lại phải sang Khôn-cung và Trường-thọ-cung làm lễ và dâng nộp một số kim ngân như lễ.

(Xem tiếp trang 14)

(5) *« Ăn cơm mới nói chuyện cũ »* (Nam Phong, mars 1923).

(6) Các đạo chỉ dụ này có trực dịch trong Bulletin des Amis du vieux Hae, năm 1934.

(7) Chỉ dụ năm Gia Long thứ tư (1805)

(8) Chỉ dụ năm Gia Long thứ bảy (1808)

Lữ-ký

HAI THÁNG Ở GÒ ÓC-EO

HAY LÀ CÂU CHUYỆN ĐI ĐÀO VÀNG

Số 6

của Biệt-lam TRẦN HUY BA

Hôm nay thứ bảy, các trại-sinh lên núi từ 7 giờ sáng kể dạo, người búa, chẻ củi đem về, xếp ở khu đất rộng, trước cửa nhà làng để đến tối dùng đốt lửa trại; vì trong bọn trại sinh, phần đông là người trong đoàn Hướng - đạo; nên việc đốt lửa trại càng được các bạn tán thành.

Mới khoảng 6 giờ chiều, các trại-sinh đã khuôn bàn vác ghế, bày thành một sân khấu giữa gò, Hai đồng củi khô đã được xếp chụm đầu thân hình kim tự tháp, cao đến ngang óc nhà. Phương ni a của dân Vọng-thê, toàn người « đường hồ » (Gao-men) đã ngồi vào một góc cạnh chân đồi. Trên mấy cái bàn rộng bày trà - rết đủ màu sắc, nước trà ấm chén và đồ bát - đũa, cùng cả thức ăn vặt để các Trại - sinh mặc, rồi đồng các vai kịch khôi hài. Nói tóm lại là một sân-khấu lộ-thiên đã hoàn toàn chỉnh bị.

Đúng 7 giờ rưỡi một hồi kèn báo hiệu các nhân viên trong đoàn phá bệ, các trại-sinh cùng 10 người lính đã tề tựu đủ. Mấy lần gõ bầy vòng quanh đã dẫn

dẫn hết chỗ. Các Hương-hào chức-dịch, xã Vọng-thê cùng các chủ điền lân - cận thấy đều đủ mặt... Bài quốc-ca, vừa bắt đầu cử, ai nấy đều đứng dậy chào cờ. Rồi tổng kèn chào, ông J. một nhà tại



mất ở Vọng-thê, đứng lên giới-thiệu với các khán-giả, về mục-dịch, cuộc đốt lửa trại của đoàn trại-sinh hôm nay. Rồi ông tỏ ý hy-vọng các thiếu niên vùng này cũng nên theo tôn chỉ, tài cuộc đốt lửa trại ở trước cửa nhà-làng còn được nhiều phần tái diễn, v. v.

Kể đến đoàn trại-sinh đứng sắp hàng hát bài 10 điều cốt-yếu của

đoàn Hướng-đạo, mà tôi nhớ với soạn được vài hôm

Hai đồng lửa như hai cây đình-liệu, lửa bốc rục rục, bốn phía hàng rào người kéo lại, một quang cảnh tung bừng náo-nhiệt từ xưa,

đến nay chưa từng có, ở nơi hẻo lánh này thực là vui vẻ... Các trại-sinh lần lượt đến các vở kịch ngắn, như « Phú ông kêu rên », « nhà quê ra tỉnh », « tiếng tây học lõm » v.v. được các khán giả nhiệt liệt hoan nghênh. Tiếng vỗ tay vang động cho mãi đến hơn 12 giờ, ngao lửa trại mới từ từ hạ thấp, và khán giả cũng mới dần dần giải-tán.

Ngày 11-III, hồi 7 giờ chiều ông J. một vị hương chức trong làng cho ghé lại đón chúng tôi, trong ghe

đã sẵn có một nàng Ca - nữ người ở Rạch-giá mời vào, lại có cả mấy tay Cầm - sĩ nổi danh. Khi ghe lướt vào vèo trên khúc sông nước chảy, thì đàn sáo vèo von, tiếng ca trầm bổng, mỗi đợt sóng dồn, là một dịp tiếng ca thánh thót. Tròn giăng dưới nước, trong lúc quăng văng sóng dề, đàn ngọt hát hay, làm cho khách

hữu tình, phải một phen ngáy ngất... Khi tới nhà bạn J. thì đã đầy đủ giai-nhân mặc-khách, mừng dịp bắc-nam hội-ngộ, Tôi vì bị cử tọa ép buộc nên bất đắc dĩ cũng phải thốt ra mấy vãn, dù là lời văn thô thiển.

Nhờ được đào non với một giọng êm ái ngâm lên, làm cho

Trăng đã lên cao, tiệc vui đã gần mãn, chúng tôi vội cáo từ về nơi ngụ-sở Bạn J. còn ân-cần quyến-luyến, cùng nàng. Ca-nữ xuống ghe, tiễn chúng tôi đến tận bến đĩnh, mới chịu chia tay các biệt. Thực là;

Đêm sao đêm mãi du mà!

*Chia tay thêm những mặn mà
có nhau!!!*

những phiến đá to thành bậc, hai bên cây cỏ tốt tươi. Chùa này nhỏ hẹp, nhưng xem cũng có vẻ phong quang, phía sau có nhà tổ và phòng sự cụ ở trú-trì. Sư cụ đã ngoài sáu mươi, người chắt phắc, thấy chúng tôi vào vãn cảnh, người rất vui mừng, pha trà tiếp đãi, rồi dẫn đi thăm chùa Chùa xây vuông,



tiệc rượu càng nồng, tiếng cười càng dậy. ngoài hiên thì phường bát âm người thổ đánh trống thổi kèn inh ỏi, trong nhà thì tưng bừng đàn nhĩ với ca hát. Cứ thế kéo dài cho mãi đến quá 3 giờ đêm, làm cho chủ khách mê li; thực là; khiến người ngồi đó mà ngơ ngẩn tình,!!!

Thăm chùa Linh-Sơn.

Chùa Linh-Sơn ở cách nhà làng độ hơn cây số. Ngay ở sườn núi Ba-thê, Ngày thường hai buổi đi về vẫn qua cổng chùa, mà chưa có dịp lại thăm, nhân nay có ông bạn N. Đ chỉ đường, nên chúng tôi cùng tới, ngõ chùa toàn xếp

ở giữa chỉ có một pho tượng đá cao chừng 6 thước, ó 4 tay, phía sau có rân chín đầu nhỏ lên cho như cái tán, Ngoài ra không có một pho tượng nào khác nữa.

Sư cụ kể chuyện rằng: hồi thượng cổ pho tượng phật-đầy
(Xem tiếp trang 16)

Bà Chúa, lấy chồng...

(Tiếp theo trang 11)

Bà Chúa, trước khi từ-giã Hoàng-cung, cũng phải đến bái-biệt Hoàng-đế. Chúa được phép lễ trên điện; lễ năm lễ. Hoàng-đế lên thuyền nữ-quân, ban ngự-lưu. Chúa pống xang, vua phán-dạy những câu từ dư, tam tông, rồi Chúa lại lễ năm lễ và lui xuống. Công-chúa lại phải làm lễ bái-biệt Hoàng-thái-hậu tại Khôn đức-cung, nghi-thức cũng như lễ bái-biệt. Hoàng-đế tại Cần-Lãnh-diện (7).

5. Lễ-diện-ni-ạn. Lễ này cử-hành trước sân đền bà Chúa. Lễ vật phải có: hai con ngỗng trắng trong lồng sơn, bó giấy đều một lớp chỉ ngũ sắc, một tráp đồng tiền đủ các hiệu vua, một ché rượu và hai mâm cau-trầu. Thị nữ nhận lễ vật. Túc-tư ngồi sân đền có Phò mã, Hoàng-toán Chủ hôn cùng phu-nhân, hai Hông-thần cùng phu-nhân, hai Phò mã cùng Công chúa và bốn an-quan văn võ, cùng mang phù. Những cặp vợ chồng rầy đều phải là những đôi uyên-trong nhiều gia đình hạnh phúc, và con cái đông đúc (8).

Một chốc, nữ-quân ra ruyền: « *bát âm sắp rồi, Chúa sắp dời gót sen* ». Độ một lát sau, tiếng dời ngỗng kêu rõ nhạc bát âm nổi, ấy là hiệu Công-chúa ra khỏi đền theo cửa Tây môn. Trước sân đền đã đợi sẵn loan-xa, Phò mã từ trực một bên, thân-rước của loan-xa. Các Măng-phụ và nữ-quân giúp Chúa lên kệu-hoa; Phò mã thân đóng cửa rồi xá ba xá. Ông Phò phải đi bộ dẫn-lộ, ra khỏi Đại nội mới được lên ngựa (5).

Dưa Công-chúa vu quy có những quan khách kẻ trên, thăm vào sáu nữ-quân và sáu trăm lính, mặc nhung-y cầm châu trượng, lại có đội võ-cang tấu nhã-nhạc. Hai bên loan-xa Công-chúa, hai nữ-quân và tám thê-nữ theo hầu, bốn người mang quạt lông, bốn người mang tráp giấy, hộp hương, hộp phấn, hộp giầu. Theo ngựa ông Phò có hai người lính che tên và hai người mang tráp, điếu. Quan khách theo rước dân thì đàn ông cưỡi ngựa, đàn bà ngồi võng. (5)

Đạo-ngự ra khỏi Hoàng-thành lều thả g đến bến Phu-vân-lâu. Mười long-thuyền, lễ thuyền đã sẵn sàng ứng trực trên Hương-giang để đợi Công-chúa « *thuyền lan, chèo quế thuận đường vu quy* », vì theo cô tục các công-chúa Nguyễn triều vu quy phải nhiều bảy dưng thủy đạo. Khi long-thuyền dời bến thì trên bốn phía bông và pháo thăng thiên đốt luôn nửa tiếng đồng hồ chào mừng Công-chúa.

6. Lễ Thán-nghinh — Khi sắp đến nơi, ông Phò tể ngựa về trước, và thay ông Phò một Măng-phụ đi trước dẫn đạo. Bó, mẹ ông Phò mặc lễ-phục đón đầu tại bến đò. Ở đây Công-chúa lại lên kiệu võ phủ. Đến phủ, kiệu vào thẳng cổng giữa và đỗ tại bên thềm, ông Phò đợi ở đây vén rèm mời chúa xuống, Phò mã đứng bên tả Công-chúa đứng bên hữu rồi ông Phò khoác tay đưa bà Chúa vào phủ. Ông Phò mặc phẩm phục lam bào, mũ cánh chuồn; bà Chúa áo chong trang gấm vàng, mũ thất-phụng. Khi lễ Tế-Hồng, hai vợ chồng đều quay mặt về hướng nam, xong cùng nhau giao-hôn, đứng ngồi phía đông, vợ ngồi phía tây, có nữ-quân rót rượu (6). Trong lúc kỳ hôn ngoài đại-tiệc khoản đãi quan khách.

và họ nhà gái. Tiệc tăn, tăn lang và tăn giai nhân bước ra cảm tạ mọi người, Công-chúa tặng mỗi người một quạt gấm, một khăn điều, một dây gấm và một đồng tiền vàng. Lại theo hầu mỗi người cũng được chúa ban một quan tiền.

Sau hôm hợp-cầu một ngày, bà Chúa làm lễ ra mắt bố mẹ chồng. Chúa đứng phía tây, lễ bố, mẹ chồng bên lễ, bố mẹ đứng phía đông lễ giả hai lễ (8).

Ba ngày sau, Chúa đến lạy tạ đường nhà chồng, có bố mẹ chồng đứng-kiểm. Bó đứng phía tây, mẹ phía đông. Bó khấn đại-khai như sau này: « *Con lạy là, kết duyên cùng Công-chúa... xin cáo lờ-tiên...* » Xong, vợ-chồng Công-chúa lễ bốn lễ trước bàn thờ, rồi bố mẹ cũng lễ.

Chín ngày sau, vợ-chồng vào lạy tạ Hoàng-Đế, bà Chúa lễ trên điện, ông Phò vọng bái ngoài sân rồng. Nhân dịp vua ban cho rể một bộ triều phục, hai áo gấm, hai yên ngựa (8). Ông Phò, bà Chúa lại lễ cáo-Liệt-Thần tại Thế-miếu rồi vào châu đức-Hoàng-Thái-hậu và Thái-Huân-Thái-hậu, xeng lại đến tạ ơn vị Hoàng-thần làm Chủ hôn cho hai bên kết giây cầm sắt.

Bước ba trên Gia-long, Minh-mệnh, Thiệu-trị, các Công-chúa mới hạ giá theo đúng nghi thức trên này. Năm 1846, hiệu Thiệu-trị thứ sáu, đức vua, nhân dịp một công-chúa hạ giá và lấy cô cách đây mấy năm hai Công-chúa Vu-Vi và Vu-Nhuế hạ giá theo nghi thức rất đơn giản, xuống chỉ (6) sắc cho bộ Lễ phải chăm-chước cỗ lễ, bái bố những nghi thức phiên-phức và tốn kém, cốt

đề tiết kiệm cho gia đình vì Phò-mã là con cháu một công thần liệt liêm-khết, thanh bạch. Từ ấy giờ đi, lễ thành thân của Công chúa nào cũng đơn giản.

Lễ hạ giá cuối cùng của một Công chúa lâm-chước theo cổ-lễ là lễ cưới của Châu Hoàn Công chúa siêu Tân Phong, em gái đức Thành-Thái, gả về ông Nguyễn hữu Khâm, con trai Vĩnh lại quận công Nguyễn hữu. Độ năm Duy-tân ngũ-thập-niên, mồng mười, tháng mười (15-11-1907). Hôn Tân Phong Công chúa còn sống ở Huế. Một người con trai khác của Vĩnh lại quận công là ông Nguyễn Lưu Tý cũng kết duyên với Hoàng-trị ông nữ đức Đồng Khánh và chỉ đức Khải-Định, cô đức Bảo-Đại là Di-Ngu công chúa hiệu Ngọc-Lâm, rằm Tháng-thái thứ mười ba, trước đây mấy năm Ngọc-Lâm Công chúa mới tấn thân (9) năm 1942.

Theo đề-định Nguyễn-triều, các Hoàng tử Hoàng-đế đến mười tám tuổi thì xuất phủ, nghĩa là ra biệt lập gia-đình có phủ-độc riêng, không phải ở trong cấm-thành nữa. Xuất-phủ xong, các Hoàng-tử phải nghĩ đến việc thành-hôn cho nên bề gia-thất. Họ lấy vợ gọi là « nạp phủ-thiếp ». Vợ một Hoàng-tử dù chồng có được phong vương cũng không mang tước hiệu « vương-phi ». Vì chính thể chín bề, cũng chỉ-lên không rập Chính-ngung, không lập Hoàng hậu, các vương hầu cũng phải tuân theo phép ấy.

Những Hoàng-đế, Hoàng-tử mỗi khi chọn bạn trăm năm, cũng phải theo lệ nhiều thế thức như sau đây. Họ có thể kết duyên với con gái bậc quan trọng triều, ngoài quận, trừ ra con gái các

quan trọng Hoàng-tộc vì là họ hàng của họ. Muốn kết hôn, các ông Hoàng phải được Hoàng-đế cho phép. Phải chờ đến khi được Vua ngỏ cho triều-thần lấy tôn ý, rồi định-thần thu-xếp lấy việc gia-thất cho các ông Hoàng.

Năm 1836 đức Minh-Mạng có ba Hoàng-nam đứng mười tám tuổi vừa xuất phủ là Miên-Thâm, Miên-Trần và Miên-Bửu. Một buổi chiều hè, Hoàng-đế ngự-đạo trong Tuế-phương-viên có các Hoàng-tử và nam vị vào vô đại-tiên theo lệ cũ. Viên Tể-tướng đứng nhiều lễ rồi, cây nào cũng đang sai quả. Đức Thánh tổ ban cho lễ hữu tự do hái quả mà ăn ngoài nền phàn dạy các đại-tiên rằng :

— Các Hoàng-tử đây đều nhờ các thầy dạy bảo. Nay Trẫm lại muốn nhờ các thầy lo liệu cho chúng nó về việc gia-thất. Thầy nào có con gái vừa lứa trao tơ, thì cứ tùy ý chọn lựa một trong ba hoàng tử.

Tuy thanh quận công, Lại bộ đại thần Trương đảng Quế, quân lĩnh Quảng ngĩa, lúc bấy giờ đang là quan đầu triều, tâu rằng :

— Muốn lâu bền hạ, cây vàng lá ngọc, cành nào cũng tốt tươi đẹp đẽ, con cái chúng thần, như chim nơi rừng núi, đậu vào biết làm sao cho xứng hợp.

Hoàng-đế dạy rằng :

— Chim rừng cũng có nhiều thứ, như chim phụng hoàng chẳng đáng quý lắm sao? Bậc đều có câu rằng : Chim phụng hoàng chọn cây cao mà đậu. Vậy chim phụng của thầy năm nay bao nhiêu tuổi?

— Tâu : con kê hạ thần năm nay mười sáu.

— Tên là chi?

— Tâu : tên là Lỵ Thê.

— Lấy đã cho học chưa?

— Tâu : mới học được nửa ba chữ. Dám xin lâu đức Thánh thượng, con kê hạ thần tại sẽ khôn có, mà sơn phấn cũng chưa biết chi.

— Biết học trò không, ai bằng thầy. Trong ba trò này, thầy trong được trò nào chăng.

— Muốn lâu bền hạ, đức ông Hoàng mười (trở Miên-Thâm sau này là Tổng thục vương) kê hạ thần được biết đã lâu cũng kê hạ thần là bạn vong niên. Như được ơn trên soi xuống, ước nguyện Hương Trường (10) cũng được thỏa mãn vậy (11).

Tin vô hậu là quân Đô tể-tướng đứng quân sự, tướng nhà Phạm văn Dền quân tể-tướng thiên chọn hàng tử Miên-Trần sau này là Tuy lý vương.

Tin vô hậu có dâng lên ngự hầu lâu lược dầu như của về việc lấy nhân của con gái.

— Hoàng tử thứ mười một là người thông minh và có đức hạnh. Người lại nổi danh học giỏi, thơ hay, Thần tể đốt nạt không thể trị giá được người về tại, nhưng rút biệt khám phục về đức.

Nếu như Bệ hạ không chê kê hạ thần ngu lỗ, và Hoàng tử cũng ưng thuận cho thì thần xin lựa người làm rể quý và lấy làm hân hạnh vô cùng (12).

HOANG-THẾ SỰ

(9) Bá chúa từ trần gọi là tấn thân.

(10) Hương Trường người đời thiên quốc chỉ vào vọng cho con gái lấy chồng con gái lấy vợ.

(11) Hoàng tử phò.

(12) Trần Thanh Mục « Phụng lý Vương ».

Hai tháp ở gò Óc-Eo

(Tiếp theo trang 13)

chính là ở chùa tháp ngay nền nhà tầng bảy giờ, tháp đồ tượng năm trổ, người thờ bảo nhau khiêng đi chỗ khác để thờ, nhưng bao nhiêu người khiêng cũng không sao nổi. Về sau bọn người Việt-uam kéo đến khấn lễ rồi họ khiêng được phật về đây, dựng nên chùa này. Vì thế, ở đây, các dân thờ họ đã có chùa của họ; còn chùa đây chỉ riêng người Nam phụng sự; tuy ở một làng, nhưng thành hai phái. Tôi hỏi cụ có biết chùa dựng từ bao giờ. Cụ giả nhời: đã lâu lắm lắm, lẽ ra cũng đã mấy đời rồi ấy! câu chuyện truyền thuyết như thế, chẳng biết có thực hay không. Tiện dịp tôi có vịnh một bài: *Đấng Linh-Sơn tự cảm, tác* bằng Đường luật.

Vịnh xong, ông bạn N. Đ. cũng ưng khẩu họa liền:

Ngoạn xong cảnh chùa Linh Sơn chúng tôi mới trèo lên đỉnh núi để thăm chùa Sơn-tiên. Đường lên chùa-thần đi dốc ngược như trèo thang, hai bên cây mọc xen nhau cao chót vót, thỉnh thoảng lại có một phiến đá lồi ra như cái mái hiên, chúng tôi dừng chân một chút rồi lại leo hoai. Cứ thế đi mãi, coi bộ đã mỏi gối chùn chân, mà chưa đến đỉnh! Chúng tôi nghỉ lại rồi lấy viên kính nhòm ra tứ phương: Phía đông-nam thì kia, tỉnh-thành Hạch-giá và bể rộng bao-la. Còn ba phía khác thì bát ngát mảnh mông, nhất là về phía gò Óc-éo những nơi mà chúng tôi mới đào tìm, thực là rõ rệt. Được những cơn gió ào

ào ở phương nam kéo lại, chúng tôi mát mẻ khoan-khoái lạ thường!

Một ông già nhà ở trên sườn núi, nhân buổi trước đã đi thăm gò Óc-éo, gặp tôi, ông nhận ra ngay. Chúng tôi mời ông ấy cùng leo lên đỉnh. Tôi nơi, thấy một cảnh chùa mới mẻ, và vài ba ngọn tháp mới xây, cảnh tượng không lấy gì làm cổ kính. Nhà sư trụ trì tuổi độ hơn mười, người trông thanh tú, cũng tiếp đãi chúng tôi ăn cần, và nói cho hay cảnh này cũng mới lập ra, chừng độ 40 năm trở lại. Ấy thế mà cũng được 3 vị sư tịch ở chốn này rồi, nên đã dựng được 3 ngọn tháp. Chùa đây nhỏ hẹp hơn chùa Linh-sơn, sự đi lại khó khăn nên khách vẫn cảnh cũng không được đông vui cho lắm. Tôi thăm hỏi hồi lâu, rồi cũng cảm tác một bài quốc ngữ: *Đỉnh núi Ba thế một tiêu thiền, Um tùm hoa cỏ, cảnh sơn-tiên! Đồi ba tháp nhỏ, nền vôi trắng, Lân khuất non cao, bực sôi*

liền, Ngất ngưỡng thân cây, chèn lối ngược, Trênh vênh tảng đá trở hàng hiên.

Nhìn xem cảnh vật thiên-nhiên ầy,

Riêng để du-nhận, khách hữa duyên...

Chúng tôi chuyện vãn hồi lâu, thì mặt trời đã xế, vội cùng nhau đã cảnh, đã chùa để xuống núi.

Từ-biệt Vọng-thê

Hôm nay đã là 19 tháng tư rồi, dù công việc của đoàn Phái-bộ chưa cáo thành, song chúng tôi cũng phải cố gắng. Sáng ngày hôm đó, tôi còn phải dùng tới ba chục người phu, đi làm che xang công việc. Chừng một giờ chiều thì bọn

phu của tôi cũng vừa thanh' thỏa. Thế là công việc cáo-thành.

Khi tiệc từ-dã làng Vọng-thê, ông Chánh đoàn Phái-bộ có đứng lên đọc một bài từ-biệt, đại ý ông cảm ơn các nhà đương chức, đã giúp đỡ cho mọi sự cần dùng trong khi Phái-bộ ở tại Vọng-thê, và tiện dịp ông mong mỗi sau này làng Vọng-thê sẽ thành một nơi trọng-yếu để đón các du-khách tứ phương, nếu nơi gò Óc-éo sẽ khảo-cứ ra nhiều điều bí-mật, thì sự thịnh vượng của làng Vọng-thê còn có nhiều hy-vọng về tương lai, v. v...

Ông xã trưởng làng Vọng-thê liền đọc bài đáp từ, đại để, ông cảm ơn đoàn Phái-bộ, vì nhờ sự thông minh của các nhà bác-học đã tìm ra nơi gò Óc-éo trước kia chỉ là chỗ để buộc trâu bò, nay đã trở nên một cở-tịch quan hệ, v. v.

Tiệc vừa xong thì một đoàn xe bò kéo đến, phường bát âm cử nhạc bợa linh bông súng chèo... Thế là đoàn Phái bộ thủng to, lên đường về Long-xuyên cho kịp việc. Tôi Long-xuyên vừa 9 giờ tối, chúng tôi chia tay, mỗi người đi mỗi việc.

Long-xuyên 20 Avril 1944

(Hết)

Biệt-lam TRẦN-HUY-BA

Cùng các bạn đọc

— Xin các bạn đón coi số tới là số XUÂN ẤT ĐẬU sẽ ra ngày 1er Février 1945.

— Vì số Xuân in đầy hơn số thường nên bản chỉ buộc phải nghỉ hai kỳ trước và 1 kỳ sau.

— Báo in ra có hạn xin đón mua ngay. Các đại lý lấy bao nhiêu xin cho biết trước bằng điện tín.

T.T.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

(Tập I học trang 9)

và dẫn người ta vào đường thẳng là đường lý-thường. Tam-tự-kinh dạy rằng đạo thường có quyền tối cao, học đạo thường là cái mục đích tối cao của sự giáo-hóa. Đã hay đó là cái đức tốt của loài người, mà thời nào cũng thế, nhưng Tam-tự-kinh nói có điều chắc-chắn, âm-điềm, gọn-gàng là lòng »

Đến đoạn kết-luận, ông Hàm nói: « ... Các quyền... đều có chủ-ý dạy trẻ biết luân-lý-thường đạo-nguyên, ... tuy lúc nhỏ chưa hiểu rõ nghĩa-lý, nhưng đến lúc lớn nhớ ra, ôn lại, thời dần-dần cũng vỡ-vạc thấm thía các nghĩa-lý ấy mà cái, những câu ấy như những câu châm ngôn để tu thân xử thế, thật rất có ảnh-hưởng về đường tính-thần luân-lý ». Kết-luận như thế, rất phải, duy mấy câu ở trang 23 xem ra không được đúng. Mấy câu ấy như sau này: « ... nhất-nhất cái gì cũng học thuộc lòng, thành ra phải dùng đến trí nhớ nhiều quá. Có lẽ cũng vì thế mà ở phần nhiều người nước ta, khiếu nhớ rất mờ-mang mà trí phán-đoán, phê-bình có kém, và trong nền học-thuật của ta, phần « tập thụ » của người thì nhiều mà phần sáng-tạo của mình thì rất ít. Âu cũng là một cái kết quả không hay của phương-pháp dạy học của ta ngày trước ».

Đoạn kết-luận (tr. 30) thì nói chủ-ý dạy trẻ biết luân-lý mà đoạn mở đầu (tr. 23) lại nói dùng trí nhớ nhiều quá, « kết quả không hay »: hình như hai chỗ có ý mâu-thuẫn. Vả lại, trên đã nói quyền Văn-học-sử-yếu này là sách để học, không phải là sách phê-bình, nên bỏ bớt những câu ngai-luận ở trang 23 đi.

Cả đến đoạn: « Như mấy câu đầu trong cuốn Tam-tự-kinh đã nói đến thiên-tính người là một vấn-đề triết-học rất cao mà hiện nay các nhà tư-tưởng còn tranh-luận chưa ngã-ngũ ra sao » (ở tr. 23), đoạn ấy có lẽ cũng không đúng, vì quyền Tam-tự-kinh là sách dạy trẻ con kai vỡ lòng, chủ-ý dạy người làm thiện; cho nên lấy câu « tính thiện » để lên đầu sách; còn việc tranh-luận lại là vấn-đề khác, chứ không phải chủ-ý của quyền Tam-tự-kinh.

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đón coi số sau ra ngày 1er Février 1945 là số :

XUÂN ẤT-DẬU (1945)

— Ứng-Hoà Nguyễn-văn-Tố sẽ khảo cứu rất cò g phu các tục cổ về mùa xuân qua các thời đại với các tài liệu xưa nay chưa ai từng nói tới.

— Hoa-Bà sẽ liên các bạn một thiên khảo cứu về lịch sử « ôc, từ tộc ngoại quốc đến cái tộc của Việt-Nam.

— Mãn-khánh Dương Kỳ sẽ thiết tha nhắc tới cuộc nam tiến đầu tiên của dân tộc Việt-nam hay là hai xuân oanh liệt đánh Chăm trong lịch sử.

— Kiều-thanh-Quế sẽ trình bày phong trào văn học trong năm vừa qua với những nhận xét thành thực và công bằng.

— Bác-sỹ Lê-văn Ngón sẽ hiến các bạn đọc một thiên kỷ ức về những năm ở Pháp.

— Nữ sỹ Tuyết tiêu muội bằng những lời lộ lộng sẽ xử găm tấn sự trong lúc bất gặp xuân về.

— Nữ sỹ Ngân Giang. Ở những văn thơ uyển chuyển sẽ mời các thi nhân cùng nữ sỹ lên tiếng họa.

— Phạm mạnh Phan sẽ ghi những điều mắt thấy tai nghe trong một thiên phóng sự công phu.

Và nhiều bài khác của :

NHẬT NHAM

CÁCH CHÍ

ĐÔNG HỒ

TIỀN ĐÀM

PHAN VĂN HÙM

TRẦN HUY BÁ

TRÚC KHỆ

VĂN ĐÀI

GIẢN CHI

LĂNG NGÂM TỬ vân vân

SỐ XUÂN ẤT-DẬU SẼ LÀ NƠI HỘI
HỌP CỦA CÁC VĂN HỮU BA KỲ

BA NGƯỜI THỌ' CĂN MẮN

Số 19

LE-THANH

Ô. Nguyễn-khắc-Hiếu

Cũng như các ông Nguyễn văn Vĩnh, Phạm-Vũ-Đức, ông Tản Đà Nguyễn-khắc-Hiếu (1) đã điểu khiển viết bao làm sách đồ cổ động cho quốc-văn trơ trọi thời kỳ quốc-văn đang thành lập.

Việc xây đắp một nền văn mới thì sẽ nói sau, bây giờ tôi hãy chỉ nói đến cái công mà ông đối với văn xuôi ta.

Ông đã viết: ba Giấc mộng con, Giấc mộng lớn, Trẻ non nước, Trần ai tư kỷ ông dịch Đại học, Đản bà lão, dài gương Bỏ là mới kể những văn đã in thành sách. Nếu ta lục những tập báo cũ như Hữu thanh, Đông pháp thời báo, Ái nam tạp chí, ta còn thấy bao nhiêu công văn đi lại đã giữ một địa vị quan trọng trong văn chương Việt nam.

Khi Tản Đà thư cụ vừa thành lập, ông đem góp nhiều bài văn ngắn dài, luật về tình cảm sự đời in thành tập Tản Đà văn tuyển. Người phê bình sách vào thời bấy giờ cho rằng, ông không thể một đời viết gì về dĩ-vãng, rồi không câu cú văn xuôi mà định cả giá trị và ảnh hưởng rộng rộng sách đó về thời bấy giờ. Tôi chép ra đây mấy lời tựa của ông Dương bá-Trạc.

« Nước ta xưa nay trước luật thuần dùng chữ Hán, văn quốc âm, chỉ văn xuôi còn có đôi ba bài mà văn xuôi không ra một quyển. Mười lăm năm nay sĩ-phu (trung

nước mới có cái kình nh hướng về văn quốc âm, lấy bút sắt thế bút lông, mà dòng trống mở cổ cũng nhau sủa đuổi trên trường văn-mặt. Ông Hàn-thuyên, hồn Đại-việt đã lập lòe có một tia lửa sáng xẹt hiện trong văn giới hoàn-cầu. Ông Nguyễn-khắc-Hiếu Sơn-tây chia là một kiện tướng trên trường văn-mặt ấy. »

Một vài nhà phê bình trước tôi cho rằng văn xuôi của ông Tản-Đà không được minh bạch và tinh sắc, không được thâm thúy như văn ông Quỳnh, dân dĩ hựu văn ở ông Vĩnh.

Người ta có ý chê ông.

Nhưng ông là một thi-sĩ chịu ảnh hưởng của nhà học hơn là nhà học. Tuy đã có lần ông nói rằng vì văn xuôi, ông nghĩ thế nào viết thế nhưng không nên tin ở ông, ở ông cũng ở phần đông thi-sĩ, ý muốn viết cho dân-dị, nhưng cá thi-phạm lại núp trong ngôi bút bất ông quá trọng về âm điệu chữ Hán. Ông là một cây đàn ngân phấm, khi ông nghiêng ngả chỉnh tề, ông gảy thành những khúc nhạc đã đã, khi ông cảm thấy lo lắng vượt phải sợ sợ, nó cũng nổi lên những điệu dẻo dặt.

Vì vậy muốn tác dụng thực văn ông, ta không nên tìm những đặc sắc khác cái đặc sắc của nhà thi-sĩ làm văn xuôi.

Ach hưởng của văn xuôi của ông có lẽ không mạnh bằng văn của tác ông Quỳnh Vĩnh, nhưng từ 1920 hình như văn ta bắt trước

nội lối hành văn của ông cũng nhiều. Những cuốn tiểu thuyết như Giọt lệ sông Hương của Tam-lang, Kiếp hồng nhan của Nguyễn-công-Hean cổ lẽ chỉ là những tiếng dội của lối văn Tản Đà.

Nhưng có một điều ta có thể chắc chắn hơn là văn xuôi ấy đã có ảnh hưởng rất lớn cho sự đào tạo cái năng-năng của các thi-sĩ ở những lớp sau này.

Ta hãy đọc:

« Ông Nã-phá-Luận khi ở đảo Thanh-hy-Liên mây giới man mả, nước bề bề mông, tiếng sóng sa tại ngọn cỏ khuất mặt, mà tưởng tượng công việc trên mặt đất cõi Âu-châu.

« Bà Chiêu-Quân khi ở đất Hồ, mặt đất cát bay đầu non gió thổi mà nhớ đến cung-diện triều Trường-An.

Vua, Đường Minh-Hoàng khi vào Ba-thục, chuồng chim khóa đưa, mây ngàn sớm đuổi mà thương người dưới gốc lê...

Và:

« Thử-treo bức tượng đồ rồng quang đường sa, một cơn mưa lớn, chỗ nằm chỗ ba, chẳng quan tới dân, chẳng trẻ thì già, trước cũng người cả bấy giờ đã ma! Nào lên nào cửa, nào cửa nào nhà, hào cợt nào vợ, nào lợn nào gà nào đầu đầu cả mà chỉ thấy sương mù hắt dài với mưa sa! Cuộc nhân thế từ xưa mãi thế, lạng chọi ta phải biết, trăm năm khôn đợi để ra mà! »

(Đánh bạc)

Ta đứng với lưm tư-lưỡng trong những câu kỳ lạ thấy lảng tai. Nghe cái dư âm của lời ta đọc đang dấy dặt như sóng đàn. Và ta thấy bằng lòng nhận lấy thế, thứ nhất là ta còn phải chờ ở ông một sự nghiệp thơ.

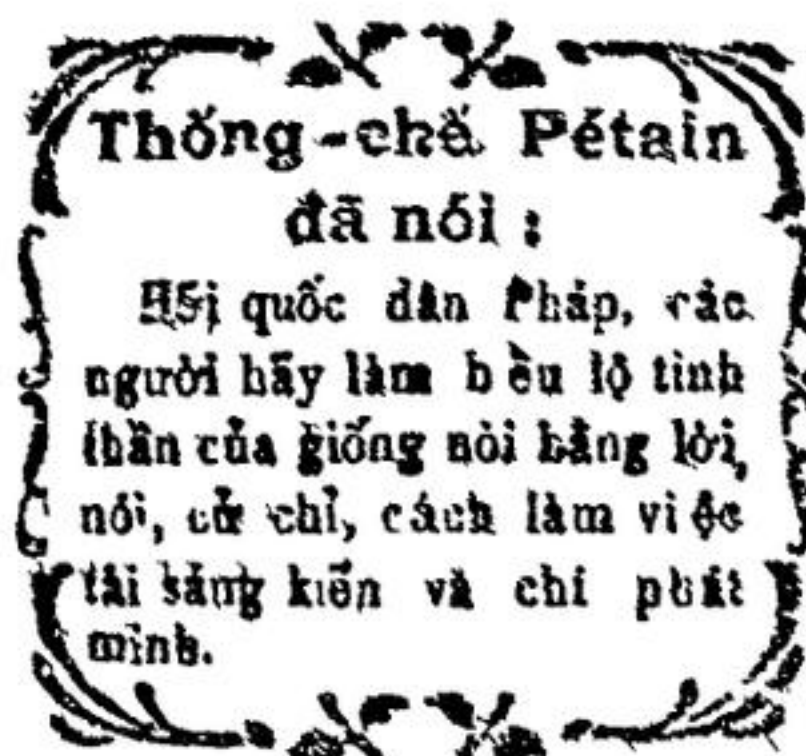
Ông Nguyễn Kiêu-Hiếu là một thi-sĩ cổ lai.

Người ta nói ông Tản-đà không có tư lưỡng, ông không thích suy nghĩ, ông thích mơ mộng, ông thích sống trong cõi mộng lung. Nói vậy không phải là không đúng. Ta cứ giả mạo lập thơ của ông đọc qua mấy đầu đề, ta chỉ thấy nào là nhớ chi hàng cau, nhớ độc gả An-nam tạp chí, nhớ ông Trần Quý, nhớ người không quen biết nhớ người ông đã gặp trong mộng, nào là nói chuyện với gió, với trăng với bóng, ông không bao giờ đem những tư tưởng về nước, về đời, những tài liệu đứng đắn làm tài liệu cho bài thơ.

Với những câu chuyện sống quá, ông là một thi-sĩ thường, nhưng khi ông nói ông nhớ mà không biết nhớ ai ông thương mà không biết thương ai, ông than mà không biết than về cái gì, thì ông là thơ sống, và thơ của ông là chất thơ trong như lọc; với những cảnh tượng không rõ rệt, với những hình ảnh mờ mờ, ông vẽ nên những bức tranh tuyệt bút, với những tư tưởng lảng lảng, với những cảm giác mơ màng, ông làm nên những câu thơ tuyệt mỹ:

« Lá đào rơi rải lối Thiên-thai
Suối tuyền, oanh đưa, nhạn ngậm
ngôi

Nửa năm liền cảnh
Một bước trần ai.
Đời cũ duyên thừa có thể thôi.



Đã môn rêu nhạt,
Nước chảy, hoa trôi
Cái hạc bay lên vút tận trời
Trời đất từ đây có cách mà
Ghĩa động
Đầu non,
Đường lối cũ
Nghìn năm thơ ừn hồng trắng
chơ.

(Tổng biệt)

Tản đà vận vầu II.

Và:

« Nước non nặng một lời thề,
Nước đi, đi mãi không về cùng mình
Nhớ lời nguyện nước thì non
Nước đi chưa lại non còn đứng
không,

Non cao những ngóng càng trông
Xuối kho giếng lệ chờ mong trắng
ngày

Xương mai một năm bao gầy;
Tóc mây một mái đã đầy Tuyết
sương

Giới này chiến bóng tả dương,
Càng phơi vẽ ngọc rớt vàng phơi
pha

Non cao tuổi-văn chưa già.
Non thời nhớ nước, nước đã quên
non

Đu như sóng cạn đá mòn.
Còn non còn nước hãy còn thơ
xưa

Non xanh đã biết hay chưa
Nước đi ra bờ lại mưa về nguồn.
Nước non bội ngộ còn luôn,

Rảo a bo non chợ có buồn làm chi.
Nước đi đã thấy còn đi
Nga đầu xanh lối non thì cứ vui,
Nghìn năm dao nước kẻ đời
Non non nước nước: không g người
lời L.Đ.

(Thề non nước)

Ông Tản Đà là một thi-sĩ cổ
chài tài.

Ông là một nhà làm báo cổ thể
tưởng và kiên nhẫn. Nhưng về một
quan điểm nó làm thế lịch sử sẽ
phải nhắc đến ông luôn đây là cái
công của ông đối với nền thơ-tạp
hiện đại.

Từ khi Tự do qua đời, có
lại một chỗ trong lữ đoàn thơ (tạp
thơ) Tản đà là thi-sĩ độc nhất của
chúng ta. Nói thế không khi nào có
người phản đối rằng hãy giữ vai
trợ thủ Đông-dương và Nam-phong
mỗi lý người ta được ngâm hàng
trăng thơ quốc văn, những thơ kỳ
dầu phải lấy An Nguyễn kỳ đặc H.Đ.
cả. Vàng, nhưng ở n. lữ tạp-chí
ấy người ta rõ (thể lấy thơ ra) rất
thành công, nhưng đó chỉ là những
cái sắc không bền, có đầu được
những bài thơ, thơ như thơ Tản đà.

Ông Tản đà là người thơ nhất
và là người độc nhất của cái thế-
hệ ông—cái thế hệ những nhà thơ
sống vào buổi giao-thời đã làm
sống lại cái hồn thơ Việt-nam đang
lấp-lối.

Ông ra đời đem cho chúng ta
một thi-sĩ thành thực dám ca
bát tài dơ sống của lòng. Ông đã
mơ mộng, đã chán đời, thiết tha
với đời một cách tự do. Ông đã
đám ngóng, dám có một bản ngã,
đám công nhiên để cho cái trệ
tĩnh mê man của mình dài trong
văn thơ.

Ông đã đưa sống một đời thi-
sĩ và đã dám có một tâm hồn
tài sĩ.

Thơ của ông là tiếng nói đại chúng trong trào của năng thơ Việt nam, là tiếng nói của hầu hết các tâm hồn Việt nam đang leo lắt, đang chờ một thi sĩ cũng có cái tâm hồn như mình, và biết ca ngợi mơ tưởng của mình.

Vì thế văn thơ của ông đã được đặc biệt hoan nghênh. Từ khi những tập *Khối tình* ra đời, trong khi đầu tất cả đều quay đầu lại ngó sao sáng của ông để ngắm nghía và chịu ảnh hưởng. Ngày nay, tuy rằng đã có bao nhiêu ảnh hưởng khác vừa mới lạ vừa mạnh mẽ xuất hiện để tranh đánh sự hơn kém nhưng chưa chắc đã làm nhạt được cái ảnh hưởng của thơ Tân-Đà.

Cái công của ông trong việc xây cái nền móng thì ra cũng như cái công của hai ông Nguyễn văn Vĩnh và Phạm Quỳnh trong việc xây cái nền tư tưởng và văn xuôi. Sao này nếu văn-học của ta được trở nên phong phú, có một quyền lực văn-học, nói về thời kỳ hiện-đại, cái tên của ông, cũng như cái tên của hai « người thợ cần mẫn » kia phải được đặt lên một trang danh-

dự bên tên những người tiên phong khác đã chiến đấu cho sự sống còn của tiếng Nam ta, « cái bè lau để chiu với bon ta trong bể trầm luân vậy ».

(hết)

LE-THANH

1) Ông Tân Đà Nguyễn khắc-Hiền sinh ngày 29 tháng tư năm Thành-thái nguyên-niên (1878), quán làng Khê thượng huyện Bất bái, Sơn tây

Ông vốn giỏi giỡn quyền quí, từ sớm đã thừa hưởng được cái nghiệp ngâm vịnh của tiên nhân (ông thân sinh là Nguyễn danh kế làm quan với Triều Nguyễn).

Thuở nhỏ cậu ấm Hiền, cũng như các cậu q án khác được đặc cử ở cái khuôn học văn Khổng Mạnh. Từ năm tuổi đến 20 tuổi, theo học khoa cử, khoa thi trường Nam, nhưng không đạt vọng cậu ấm ra đi lang thang nay, đây mai đó, lấy cái thú văn thơ để dưỡng tính tình.

Sau về học trường Qui thực, nhưng với cái trí thông minh lóng lảng, nhà thơ không theo học đến cùng, về Nam định làm việc, phụ tập văn thơ cổ, dịch sách làm thành sách

Ông lần lượt xuất bản khối tình bon, giấc mộng cơn khối tình bán chính, khối tình bán phụ, Đại cương Lớn sáu Lớn tám Thẻ non nước.

Năm 1921, ông dùng chữ bút hữu thanh, dịch Đại học Kinh thi.

Năm 1925 xuất bản An Nam tạp chí, mấy lần đình bản mấy lần tái bản, mỗi lần ra kinh doanh là một lần thất bại

Ông đem gia đình về Khê thượng, tình việc dịch sách cho mấy nhà xuất bản và in dần những văn thơ đã làm từ trước nhưng công việc chẳng ra sao, ông ra Quảng yên rồi về Hà đông để tiện việc giao dịch với các báo, trở lại làm ăn bằng cân bút. Ông dịch thơ cổ, Lầu trai lại đi chơi thích quyền Vương thủy Kiều.

Ông từ trần ngày mồng bảy tháng sáu năm 1939 ở Ngã tư sông Mã đông.

GIỚI THIỆU

I — *Thủy - Nữ* (I) của Trần Tuấn Khải dịch-Anh hoa xuất bản giá 3\$00.

II — *Những nét hùng* (thơ) của Hoàng Yến - Tin Đức thư xā in hành — giá 4\$50.

III — *Nam kỳ lục tỉnh địa dư chí* của Thượng tân Tội dịch, đăng Đại Việt tạp chí số 50-51-52

IV — *Boussole de l'information politique* của Gouvernemeni général.

V — *Hợp lý hóa của Lê văn Siêu* — Bản Thuyết xuất bản giá 6\$50.

VI — *Thượng chí văn tập* (IV) của Phạm Quỳnh — Alexandre de Rodes xuất bản — giá 7\$00.

VII — *Lỗ Tấn* của Đặng thái Mai — Thời Đại xuất bản giá 6\$.

VIII — *Hội thảo văn của Nguyễn Hồng* — Thời Đại xuất bản — giá 6\$00.

IX — *Tùng-thiên-vương* (tiểu sử và thi văn) của Ung-Trình, do nhà in Nam Việt, Nam-định in, giá 10\$00 là cuốn sách nói về thần-thế cũng thi-ca của một vị hoàng-tử hay thơ-vô triều Nguyễn

X — *Hát thương Lầu ông với nghề thuốc của Lê Ngọc Vũ* — nhà xuất bản « Quốc Văn », không đề giá

Xin xem on các nhà xuất bản và giới thiệu với các bạn

T. T.

ĐANG IN LẦN THỨ 2 :

LÀM BÊP GIỎI

Sách giấy hơn 300 trang. Có thêm nhiều bài mới lạ. In cở hạn. Xin trả tiền trước. Không gửi tình hóa giao ngân.

Giá 10\$ cước phí 1\$ Nhà xuất-bản Phụ - Nữ phát hành Thư và mandat đề cho :

Bà ĐÀO THỊ MINH
213 Duvalier - Hanoi

DƯƠNG-MINH-ẤP

Chirurgien dentiste d. plôme F.M.H. 8 Avenue Puginier
gan vườn hoa cửa nam
HANOI

Chuyên trị chữa răng và miệng

ĐẠI NAM ĐẤT SỰ

(Tiếp theo trang 5)

đương cớ xi, lễ chình đội ngũ, treo gương giáo ở trước thần-vị, đọc lời thề rằng: « Vì tử bất thiếu, vì thần bất trung, thần-minh cực chi », nghĩa là « Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, thần minh giết chết ». Các bày tôi từ phía đông đi vào, qua bài-vị thần, uống máu tam sinh, đọc lời thề. Hàng năm cứ đến ngày ấy là ngày ăn thề, người nào trốn thề bị tội năm mươi trượng. Sau vì tháng ba có quốc-hủy (tức là ngày kỵ Lý Thái-tổ, từ ngày thề ấy đến mồng bốn tháng tư (Đại-Việt sử ký toàn-thư, q. 2, tờ 13 a).

Cùng trong tháng ba, « Khai-quốc-vương tên Bồ làm phản. Nguyên năm thứ tư hiệu Thuận-thiên (1013), tháng sáu, Lý Thái-tổ phong hoàng-tử Bồ làm Khai-quốc-vương, cho ở phủ Trường-yên. Bồ ở đấy cậy có núi sông hiểm trở bền chắc, nhân tụ họp những đứa vong mệnh (trốn-tránh) để cướp bóc của tiểu dân. Lý Thái-tổ không hề biết đến, thành ra nuôi cái ác cho hẳn. Đến năm 1028 nghe vua Thái-tổ đã mất, Vũ-đức-vương bị giết. Bồ càng bất bình, tụ họp quân-chúng làm phản.

Đến tháng tư, vua Thái-tổng cho nội-thị là Lý Nhân-nghĩa ở giữ kinh-sư Thăng-long, rồi tự tướng đi đánh Trường-yên. Ngày nhậm, thân quân đến Trường-yên, Khai-quốc-vương Bồ xin hàng, Thái-tổng y cho. Hạ lệnh rằng: « Nếu quân sĩ

nào cướp bóc của-cải của tiểu-dân thì chém ngay ». Vì thế quân đi rất nghiêm, một sợi tơ một cái tóc không phạm. Quân nũa vua vào đến thành Trường-yên, dân trong thành tranh nhau đem dâng tran và rượu, vua sai sứ dụ chỉ yên ủi, cả thành đều vui vẻ đẹp lòng, ban chiếu dời phủ Khai-quốc-vương và liêu thuộc về kinh-dô Thăng-long, tha tội Khai-quốc-vương và cho phục lại tước cũ (Đại-việt sử-ký, toàn thư, q. 2, tờ 14 b và 15 b).

Ngày sáu tháng năm, t. ấy có dấu thần ở chùa Vạn-tuế, quần-thần dâng biểu nói rằng: « Thái-tử là gốc của thiên-hạ, gốc vững thì thiên-hạ yên, xin Bệ-hạ som chọn hiền-tự (con hiền nối ngôi) chính vị đông-cung, để yên cái lòng trông mong của thiên-hạ ». Vua nghe theo, sách phong hoàng-tử Nhật-Tôn làm Đông-cung thái-tử (Khâm định Việt-sử, q. 2, tờ 31 a).

Lập bảy hoàng-hậu (sử không chép rõ tên hiệu các hoàng-hậu), phong Mai-Hựu (sinh ra Mai hoàng-hậu) làm an-quốc thượng-tướng Vương Đỗ (sinh ra Vương hoàng-hậu) làm Phụ-quốc thượng-tướng, Đinh-Ngê-Thượng (sinh ra Đinh hoàng-hậu) làm Khuông-quốc thượng-tướng (Đại-việt sử-ký, toàn thư, q. 2, tờ 15 b).

Phong Lương-nhâm-Văn làm thái-sư, Ngô-thượng-Dinh làm thái-phó, Đào-xử-Trung làm thái-bảo, Lý-Đạo-Kỷ làm tả-xu-mật, Lý-Triệt làm thiếu-sư, Sung-Tân làm hữu-xu Mật, Lý-Mật làm tả-tham-tri chính-sư,

Kiều-Bồng làm hữu-tham-tri chính-sư, Liêu-Gia-Trình làm trung-thư thị-lang, Hà-Viên làm tả gián nghị đại-phụ.

Đỗ-Sấm làm hữu-giám-ngự đại-phụ, Nguyễn Quang-Lợi làm thái-úy, Đàm-Toán-Trang làm đô-phòng Vũ-bá-Tu làm Uy-vệ-thượng-tướng, Nguyễn-Khánh làm định-thắng đại-tướng, Đào-Yên-Lôi làm tả-tâm-piêu, Lý Nhân-Nghĩa làm hữu-tâm-phủ, Phan-Dương-Lật làm nội-thị (Đại-Việt sử ký toàn thư, q. 2, tờ 16 a-b).

Định phẩm trật các tể tướng. Đặt mười vệ cấm quân: 1 là vệ Quảng-thánh, 2 là vệ Quảng-đông, 3 là vệ Ngự-long, 4 là vệ Bổng-nhật, 5 là vệ Trường-hải, mỗi vệ lại đặt ra tả hữu, chia phục ở trong cấm-thành (Khâm định Việt-sử, q. 2, tờ 32 a).

Ngày hai mươi sáu tháng sáu là ngày đản, vua Lý Thái-tổng lấy ngày ấy làm lễ thiêu thánh cầu trúc kết làm núi Vạn-thọ Nam sơn ở sản rồng. Núi có năm ngọn: ngọn giữa gọi là Trùng-thọ sơn, hai bên tả hữu bậc ngọn, gọi là Bạch-hạc sơn, trên núi làm rất nhiều bình đáng chim bay đi thay, sườn núi thấp thoảng cấp có tinh cớ lý treo lẫn những sắc vàng biếc, lại sai người phụng thờ chèo nấp ở trong hang núi, từ đời sáu, gổ sáu, dâng hát múa nhạc làm vui, ban yến các quần thần: cách thức làm núi ngũ phong bắt đầu từ đây (Khâm định Việt-sử, q. 2, tờ 32 a b).

Đến tháng mười tể tướng Lý Công-Uân phủ Thuận-đức gọi là Thọ-lạc, thay là thần-vũ hoàng-đế, miếu hiệu Thái-tổ (Đại-Việt sử-ký, toàn-thư, q. 2, tờ 17 a).

(Còn nữa)

Ung hộc NGUYỄN-VAN-LỖ

An Cư

« Khiến nhân tống An-Tư Long-chúa
sa Thoát-Hoan, đặng thư quốc nan dã. »

(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN HUY-TƯỜNG

Số 31

Một hồi trống đánh vang trong
thung lũng, Thung Hoan, vua
Thiệu-hải và Quốc - ô g iã ngựa
đi ra, theo sau là Tá-thiến vương
Đức Việp, Ch'âu văn vương Nhật
Duật, Đại tướng Lê phụ Trắc, cùng
những các quan văn võ khác. Các
vị tiến ra đứng trước ngọn cờ đại.
Ánh sáng của bình minh, càng làm
cho gương áo sáng lóa giáp trụ
là chói, và tinh kỳ thêm sự - cõ.

Hưng-đạo vương có đôi phát
gậy võ tôn xưa, và gậy lần đi. Vậy
mà không bao giờ quân sĩ thấy
chủ tướng đẹp như hôm ấy, họ
như người có cái gáo sắt đỏ, lạnh
lùng trước những ngọn nến gồm
ghé.

Rực rỡ nhất là quân tứ thiên
tứ thánh, tứ thần, đoàn chính
thực của Triều đình, quân Quân-
thánh-Dực đại tướng Nguyễn-
Thước trắng nom. Kém uy phong,
nhưng nhanh nhẹn hơn là nghĩa
bình của các vương hầu: người
ta chú ý đến bộ thức của Chiêu-
văn vương, gồm người tứ xứ, cả
người Hán, người Lào, người
Chăm, người Trung quốc, một đạo
bình kỳ quốc và nhiều màu sắc.
Lãnh hầu ra một nơi là Đoàn-
Tĩnh - vương của Chiêu - Thánh

vương, Đoàn 600 võ djoa của
Hoài văn hầu, hai đạo quân trẻ
mạnh và táo bạo nhất. Những bộ
ngũ còn sót lại của những tướng
đã qua đời như Hưng đức hầu,
Nhân-tức hầu, Bão - nghĩa vương,
đều mang khăn trắng, và xếp
thành một đạo quân riêng. Đối
với những đạo quân kia, họ trông
vũ vũ, đẹp đẽ, lạnh lùng, họ
lại nhìn lên lá cờ vàng mà họ đã
nêu bốn chữ: « Sát Thát - Phục
thù ».

Theo hiệu có lệnh trong tay Quốc-
công, cơ nào động ấy theo thứ tự r.ều
đi, rồi theo hiệu cờ, lại trở về chỗ
cũ muốn và người như một; lúc
động như gió, khi tĩnh im lìm
như một tòa thánh. Từ sáng tới
trưa, đoàn anh dũng tỏ rõ trước
mặt Quốc công một kỷ luật gang
thép, một sự am tường chiến pháp
đến triệt để. Chiều đến trong quân
lại tổ chức những cuộc đấu võ,
đánh vật, múa binh khí, thi chạy
nhảy, so bắn tên.

Xem những cuộc biểu diễn,
ngắm bắp thịt nở nang của những
lực sĩ, vua Thiệu-Bào rất lấy làm
khâm phục Hưng-đạo vương và nói:

— Luyện tập mà được đến thế,
thực là công phu vô cùng. Trẫm

xem khi thể quân sĩ lấy làm xững
tâm, không lo ngại như trước nữa.

Hưng-đạo tâu:

— Quan-gia ban khen, lão phu
rất lấy làm cảm kích. Nhưng thực
sự ra, quân ta có cái khí thế như
ngày nay, trên là nhờ uy vũ của
Quan-gia, dưới là do lòng phấn
phô của tướng sĩ; Sĩ khí không có
lão phu tốn công cũng bằng
vô ích. Lão phu rồi mình, thực
không có công đức gì. Dân tâm
đứng lên như sóng, mình chẳng
qua chỉ là một lá nổi trên thuyền
thuận lái mà đi đó thôi...

Dương lúc trong suốt cõi Thanh
hóa, chỗ nào người ta cũng chỉ
nói đến sự khôi phục nay mai, thì
chợt có thư của Chiêu-minh vương
báo tin Tòa Đô không đánh nổi
Ngột-an đã tóa binh thuyền ra
các đê đập sức với Thoát Hoan.
Vua hỏi:

— Nay Quốc công định sao?

— Lão phu dự liệu tất có việc
này. Tòa Đô vượt đê leo non,
qua vùng Hoan, Ái, đường xa gặp
ghech, quân sĩ tất là mỏi mệt
lắm rồi. Nay phải kéo quân ra, thì
thế lực đã cùng. Cứ như ý lão phu,
ta nên sai một tướng dẫn binh
thuyền ra chặn đường Tòa Đô.
đi dặt dãi lao, thế nào cũng được.

— Quốc - công bàn rất phải.
Nhưng liệu ai có thể đi được?

— Có khôi phục được hay
không, là ở trận này cả. Cứ như
nguy, chỉ có Chiêu - văn Vương
càng đáng được.

— Chiêu văn cũng có ý ấy.

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY-TƯỜNG

Tài liệu đề định chính

(Tiếp theo trang 7)

Kim Vân Kiều gủ chép
 Thương nhau sinh tử đã nhiều,
 Với nhau còn chút bấy nhiêu là
 tình.

Câu « Chùng xuân lo-hiếu còn
xanh, Nghĩ rằng chưa thoát khỏi
vòng ái-ân », quốc-ngữ cũ (tr. 190)
và phởng bản chép là « Nghĩ sao
chưa thoát ... »

— Các bản nôm đều viết : « Thêm
nếp sạ nổi hương bình Cờn nhau
lại chuốc chén quỳnh giao-hoan ».
Cờn « chuốc » hai bản quốc ngữ
viết là « chử » thì không đúng
vì chữ « chuốc » là chữ nôm, kinh
bản viết chữ « khẩu » bằng chữ
« chử » mới đúng. Các bản nôm
khác viết chữ « chử » cũng được,
nhưng đọc ra nôm phải đọc là
« chuốc ». Quốc-ngữ mới (tr. 759)
in nhầm là « giao loan », chính
lẽ « giao-hoan » mới phải.

— Câu « Tở vủ bở tại lòng này,
Hay là khổ tận đến ngày cam
tại ? », Kinh hân và Kim Vân
Kiều chủ đề là « Thương vai ».

— Đến câu dưới « Nàng rằng
Vi chút nghề chơi, Đọa trường
tiếng ấy hại người bấy lâu rồi,
phường bản và Kim Vân Kiều
chứ chép là « Vi chút hay chơi »

Câu « Một phen tri kỷ cùng nhau », kinh bản chép là « mừng nhau ».

— Đến câu « Truyện trò chưa cạn
tóc-te, Gà đã gáy sáng, trời vừa
rạng đông », kinh bản chép là
« Gà vừa gáy sáng ... ».

— Các bản đều viết: « Tỉnh riêng
chẳng lại nổi sóng, Một nhà ai
cũng lạ-lùng khen-lạ ». Quốc ngữ
mới (tr. 765) chép là « khen
khảo » thì không phải nghĩa, vì

**Một buổi họp mặt của
các nhà xuất bản**

Ti. Đường giao thông bề nổi, một số lớn sách của các nhà xã hội-bản ở đây bị đình-trệ hẳn, không thể gửi được vào Trung và Nam. Thực là một mối ngại lớn cho các nhà xã hội-bản, mà cũng là một sự ngại ngùng về mặt công việc phổ thông nền văn học nước nhà.

Vì vậy ông Dương Văn-Mãn giám-
đốc nhà xuất-bản C I P I C.,
hôm vừa đây có ý kiến triệu tập hội
thầy các nhà xuất-bản trong một
tiệc trà thân mật để chức lại nhà
riêng của ông.

Một số đồng các nhà xài bả nũ
hoan-nghênh lơi dụ cầ. g wó i n ô i
số nhữ vãn, nhữ báo.

Ngoài việc giải quyết rấ-r-đề gửi sách vào Nam, các nhà xuất-bản còn bắt lời nhữg rấ-r-đề cần thiết giữa nhà văn, nhà xuất-bản và các đại-lý bán sách.

câu này là Kim Trọng nói thật ho
cả nhà b'ố! Thúy-Kiều lấy « tình
cầm sắt dờn ra cầm kỳ », cả nhà
đều khép «ngôi», cho rền lên câu
dưới có chữ «thục nữ hi cao».
Còn như « khen bao » thì không
hợp vào đoạn này.

—Câu « Nặng vì chút nghĩa bầy
lâu, Tròn am cứ giữ hương dầu
bơ mai », phường bản, Kim
Vân Kiều chủ và Vương Kim
diễn tự đều chép « Nặng vì chút
nghĩa xưa sau... ».

Câu « Lối quê góp nhặt dăng
dài, Mua vui cũng được một vài
trống canh », quốc-ngữ mới (tr.
772) chép là « chấp nhặt », k
cũng có nghĩa, nhưng không đúng
bằng chữ « góp nhặt ».

(Ḫōn nīṣa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Hội Truyền-Bá Quốc
Ngũ Nam-kỳ khai-
giảng lớp học

HỘI TRUYỀN-BÁ QUỐC-NGŨ đã
bắt đầu hoạt-cộng

Đời thứ 12, 15-17 1944 đã có 3
trường học n.đ ở địa phương Sài
gòn Chợ Lớn và quan Glóm-độc nhạ-
học-chánh Nam-kỳ Pêraccoa đời thứ.

Khởi đầu ông Michel Lân Sĩ đã
giải nhiệm hình ở cơ của hội, những
thành-hệch mà hội đã thừa nhận về
hội-viên (1800 người) giáo-viên (150
người) và chi-: hánh (6 chi-nhánh ở
lục-tỉnh trong vòng 3 tháng

Qua 10 ngày thử hai 18-12 1943, nội
khai giảng tại trường học ở
trường & Nguyện tại Tiền (Khanh-
Hội) và Phan-Trần (Cầu kho)

Chúng ta như hai hóm người là khai
mạc đất và trồng lúa gạo nghiêm
trọng.

Dự lễ khai-giảng ở trường học đầu tiên của hội chúng, lời nói của ông rất đỗi đằm thắm:

1) Số học trò từ mười lăm trở lên học nhiều hơn số học trò từ mười đến mười lăm.

2.) Mấy lớp học có phải chấp họ
đặt với số 470 học trò.

3.) Các giáo viên toàn là bạn
thanh niên tình nguyện dạy lớp học

4.) Họo trở là một hàng (đặc-biệt)
tuyên là những người lạc-đồng.

Đó là điều đáng mừng và Hội T. B. Q. N. Nam-kỳ đã thỏa hoạch được một thành-lich vẻ vang ở nước nhà.

J. T. U. V.

Muốn làm ghe mua về rô

Dong Phap

1p.00 một vé

TỦ SÁCH « VĂN NGHỆ MỚI »

Mọi có bán

NGÀ BA

truyện dài của Lê mộng Cầu

giá 5\$50

Tả tâm trạng một thanh niên ngoài hai mươi tuổi bán khoác trước tình thế, hiện tại cố gắng đi tìm lý tưởng chính đáng cho đời sống.

Đã xuất bản

Trong tủ sách « NGÀY MỚI »

Văn Học và triết luận

của ba Mộng Sơn (hết)

Văn Chương và Xã Hội

nghe của của Lương đưc Thiệp — giá 2\$50

Không giáo với ông Đào duy Anh

của Nguyễn uyên Diễm — giá 4\$00

Viết và Sống

của Ngô xuân Huy — giá 4\$00

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi

Đang in sắp xong

ĐÀO DUY TỬ

(Một bậc đệ nhất công thần đời Nguyễn Sơ)

Sự nghiệp và văn-chương

Sách khảo-cứu rất công phu của

Khái Sinh Dương Tự Quán biên tập



Dày 200 trang — Giá bán :

hạng giấy hảo hạng dày

20\$ (có 20 q. thôi)

hạng giấy thường 10\$

hạng giấy bản tốt 5\$

At q' i mua có kèm mandat trước

th phải chịu cước phí

để cho

195, phố

sách Đông Tây,

Bé — HANOI

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mọi xuất bản hai cuốn :

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm xuân-Đồ phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R.

Kipling gồm 6 truyện truyện kỳ-lạ và lý-thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SỨC TRANH CÔNG

bản dịch Pháp văn của Hoàng hữa-Xương

và A de R

Bình-phẩm cuốn này, Cò Cadière đã nói : « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục súc tranh công còn tự-nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm... » dày 150 trang, khổ 17x23, bla vẽ mỹ-tuyệt và nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn bản thường 4\$00 cước 0\$50

bản giấy Đại-la 12\$00 cước 1\$00

Tổng phát hành

MAI-LĨNH

21, R' e des Pipes — Hanoi

Mọi có bán

HA

TRỊ

*(khảo cứu về thầ
AQ chính truyện
đánh sĩ trung hoa*

*in
ở 1 lần; phụ thêm
n khác của nhà*

Giá : 6 \$ 00

HƠI THỞ TÀN

một tác phẩm kiệt tác

của Nguyễn-Hồng

Giá : 6 \$ 00

Sau một số ít

VANG BÓNG MỘT THỜI

của Nguyễn-Tuân

5 \$ 00

NGÂM NGẢI TÌM TRẦN

của Thanh-Tịch

2 \$ 00.

Đang in

NGUYỄN

Nguyễn-Tuân

6 I HƯƠNG CHỢ GIÓ

Xuân-Điện

TRƯỜNG CA

Xuân-Điện

TRAI NƯỚC NAM LÂM GI

Hàng-đạo Thây

(In lần thứ ba)

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

214 Hàng Bông — HANOI

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Dir cteur gérant : Nguyễn-Tường Phương

Imp. Tri-Tân 95—97 Chancéaulme, Hanoi